



TỔNG CỤC THỐNG KÊ CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số liệu

KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ THÁNG MỘT NĂM 2025



MỤC LỤC

- Những nét chính kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ.....1
- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP).....3
- Một số chỉ tiêu chủ yếu tháng 01 năm 2025.....6
- Nông nghiệp và thủy sản.....7
- Công nghiệp.....8
- Giải ngân vốn đầu tư công.....10
- Tình hình hoạt động doanh nghiệp.....11
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng.....12
- Vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải.....14
- Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ.....16
- Thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn.....18
- Ngân hàng.....20
- Xuất, nhập khẩu hàng hóa.....21
- Tai nạn giao thông, phòng chống cháy nổ.....22
- Số liệu KT-XH 5 TP trực thuộc Trung ương.....23



NHỮNG NÉT CHÍNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ



Tổng sản phẩm trên địa bàn thành phố ước năm 2024 tăng 7,12% so cùng kỳ năm trước. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế ước năm 2024: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,21%, (đóng góp 0,33 điểm %); khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,69% (đóng góp 2,41 điểm %); khu vực dịch vụ tăng 7,95% (đóng góp 4,13 điểm %); thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,83% (đóng góp 0,24 điểm %). Tốc độ tăng bình quân giai đoạn năm 2021-2024 tăng 6,28%.



Lúa đông xuân đã xuống giống với diện tích 72.031 ha, giảm 1,07% hay 782 ha so vụ cùng kỳ năm trước. Xuống giống các loại hoa kiểng dài ngày như cúc pha lê, mâm xôi, đồng tiền với khoảng 1,08 triệu chậu hoa kiểng và 9 ha hoa cúc để chuẩn bị phục vụ cho dịp Tết Nguyên đán 2025, thấp hơn 38.313 chậu so với cùng kỳ. Ước tổng đàn lợn 133.263 con, tăng 0,51% so với cùng kỳ; đàn trâu 251 con, giảm 1,95%; đàn bò 3.748 con, giảm 13,04% so với cùng kỳ; đàn gia cầm 2.202 nghìn con, tăng 4,15% so với cùng kỳ.



Chỉ số sản xuất công nghiệp Tháng Một năm 2025, ước tính giảm 2,76% so với tháng trước và tăng 11,73% so với cùng kỳ, trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,58%; ngành phân phối điện tăng 8,03% và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý xử lý rác thải, nước thải tăng 1,48% so với cùng kỳ năm trước. Tại thời điểm cuối tháng Một năm 2025, chỉ số tồn kho tăng 4,79% so với tháng trước và giảm 0,08% so với cùng kỳ.



Tháng 01 năm 2025, ước cấp mới đăng ký kinh doanh cho 188 doanh nghiệp các loại hình, tăng 11,70% so với tháng trước và tăng 13% so với cùng kỳ, với tổng vốn đăng ký 847 tỷ đồng, giảm 36% so với tháng trước và tăng 37% so cùng kỳ. Ước tổng số doanh nghiệp giải thể tự nguyện 4 doanh nghiệp, giảm 80% so tháng trước và giảm 82% so với cùng kỳ; ước đăng ký tạm ngưng hoạt động 460 doanh nghiệp, tăng 90% tháng trước và tăng 8% so với cùng kỳ; ước đăng ký hoạt động trở lại 190 doanh nghiệp, tăng 85,7% so với tháng trước và tăng 26% so với cùng kỳ.



NHỮNG NÉT CHÍNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ (tiếp)



Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 01/2025, ước đạt 12.467,89 tỷ đồng, tăng 4,47% so với tháng trước, tăng 15,08% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 8.527,23 tỷ đồng, tăng 13,47% so với cùng kỳ; lưu trú, ăn uống ước đạt 1.640,63 tỷ đồng, tăng 10,68% so với cùng kỳ; du lịch lữ hành ước đạt 58,28 tỷ đồng, tăng 16,01% so với cùng kỳ; dịch vụ khác ước đạt 2.241,74 tỷ đồng, tăng 25,49% so với cùng kỳ.



Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01 năm 2025 tăng 1,33% so với tháng trước; tăng 4,47% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá vàng tăng 0,92% so với tháng trước, tăng 5,28% so với cùng tháng năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ tăng 0,22% so với tháng trước, tăng 4,14% so với cùng tháng năm trước.



Tổng thu ngân sách nhà nước đạt 591,29 tỷ đồng và tổng chi ngân sách địa phương đạt 1.106,11 tỷ đồng lũy kế thực hiện đến ngày 20/01/2025

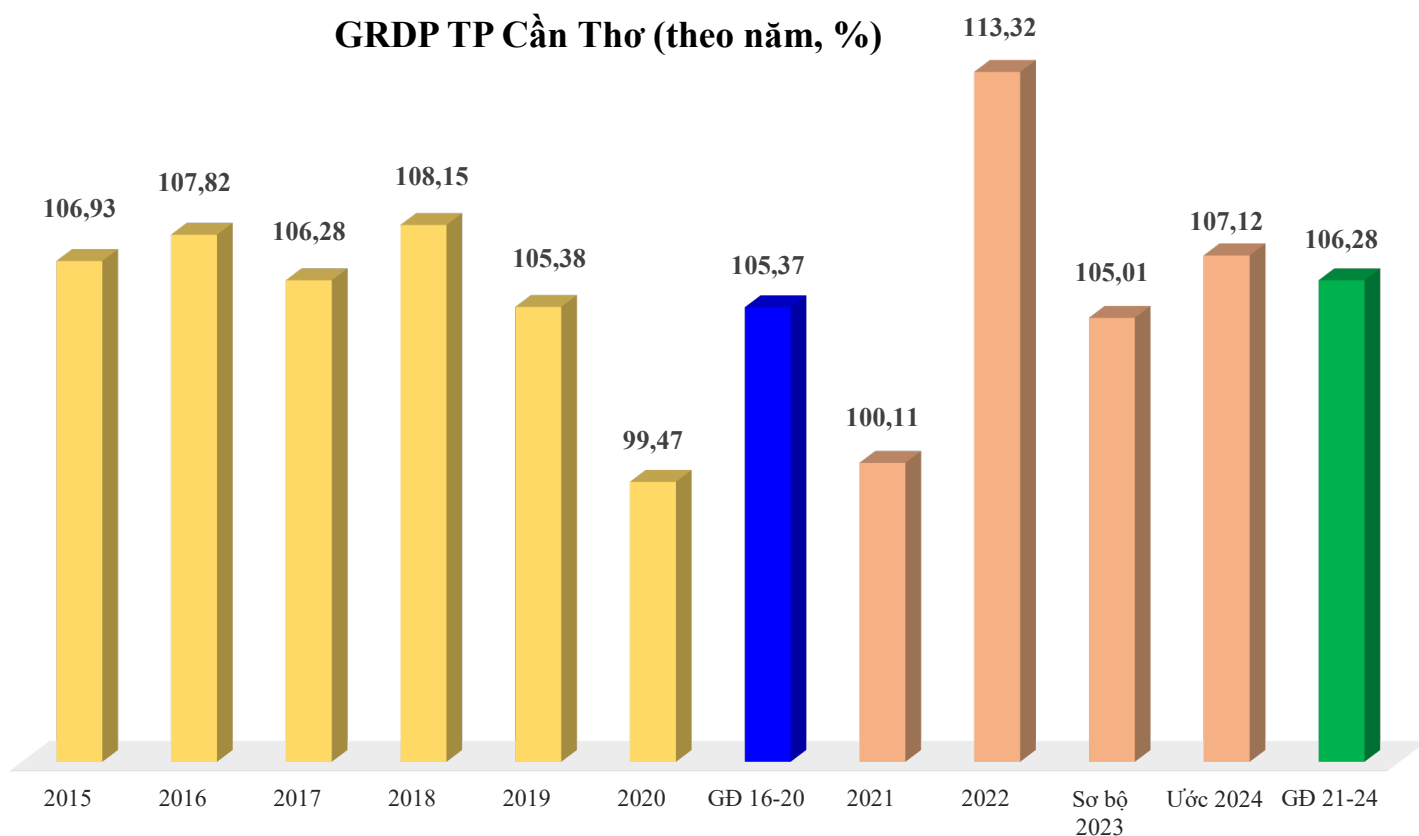


Trên địa bàn thành phố đã xảy ra 24 vụ tai nạn giao thông (23 vụ đường bộ, 01 vụ đường thủy), giảm 18 vụ so cùng kỳ; chết 18 người, tăng 4 vụ so với cùng kỳ; 11 người bị thương, giảm 26 người so với cùng kỳ (từ ngày 15/12/2024 đến ngày 14/01/2025).

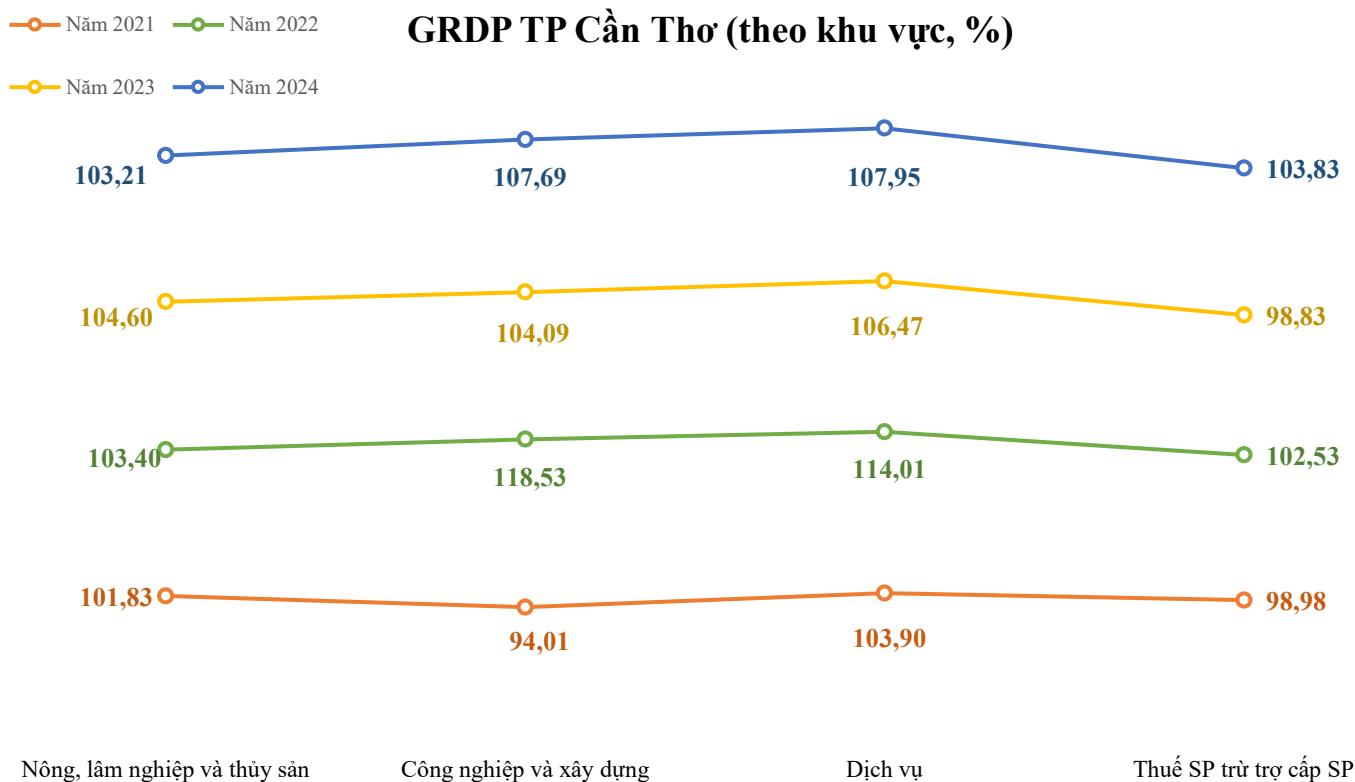


TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP)

GRDP TP Cần Thơ (theo năm, %)



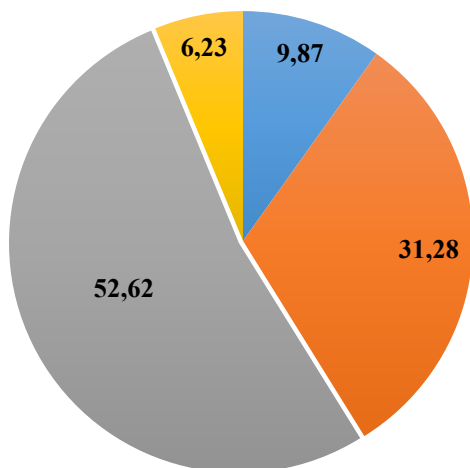
GRDP TP Cần Thơ (theo khu vực, %)





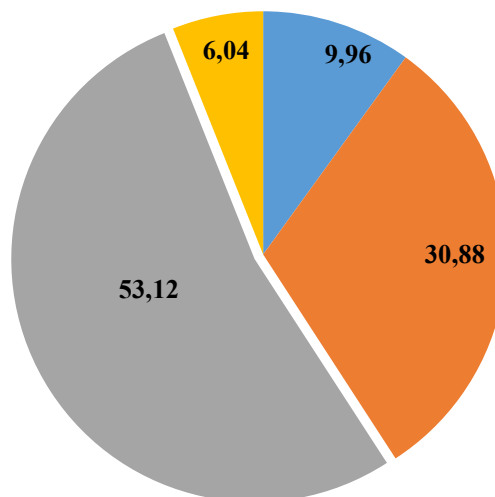
TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP) (Tiếp)

Cơ cấu GRDP năm 2023
(theo giá HH,%)



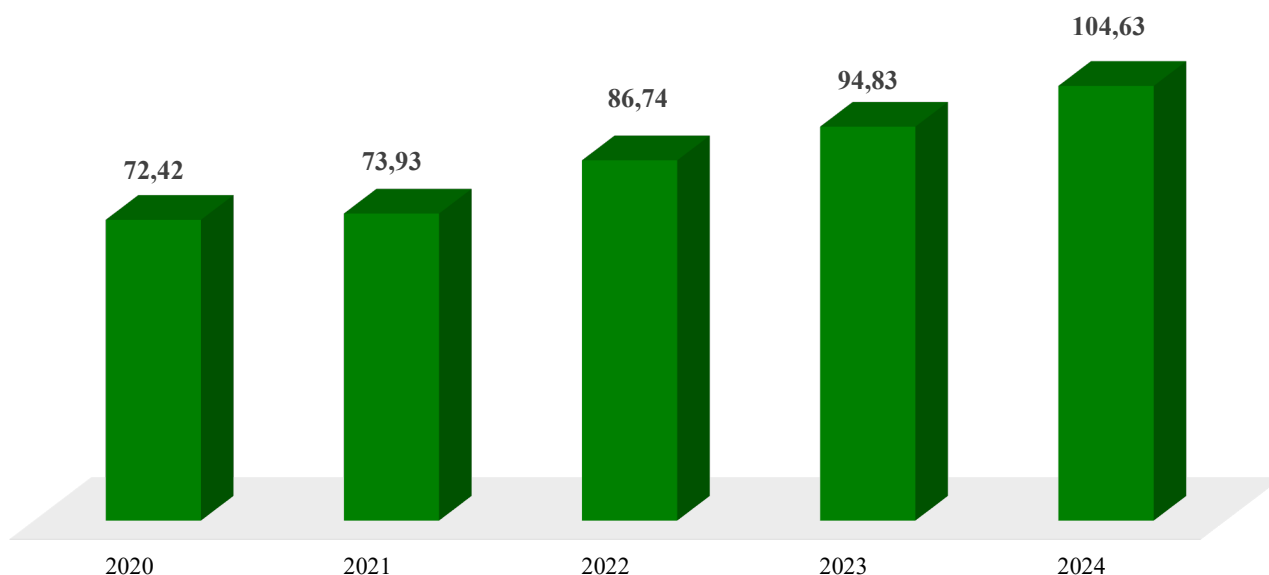
■ Nông, lâm nghiệp và thủy sản ■ Công nghiệp và xây dựng
■ Dịch vụ ■ Thuế SP trừ trợ cấp SP

Cơ cấu GRDP năm 2024
(theo giá HH,%)



■ Nông, lâm nghiệp và thủy sản ■ Công nghiệp và xây dựng
■ Dịch vụ ■ Thuế SP trừ trợ cấp SP

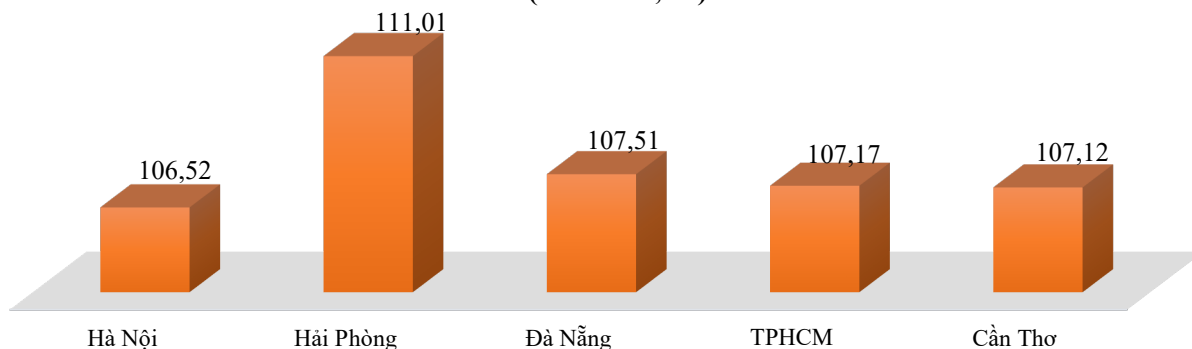
GRDP bình quân đầu người (triệu đồng/người/năm)



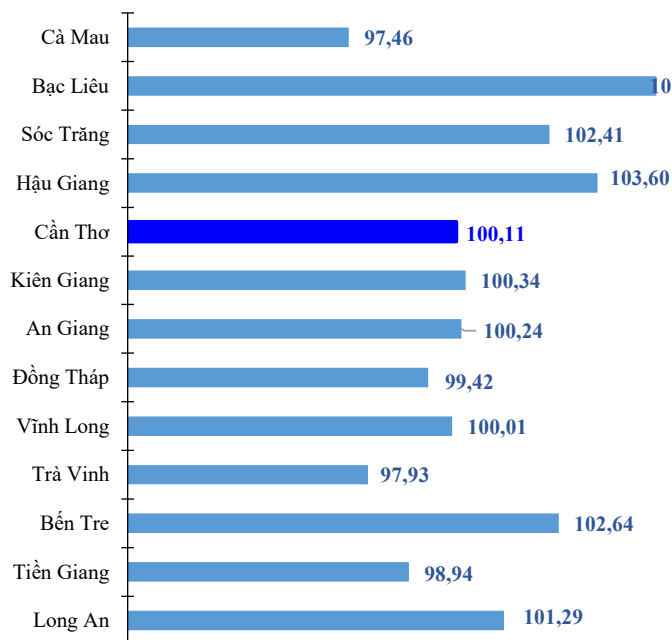


TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP) (Tiếp)

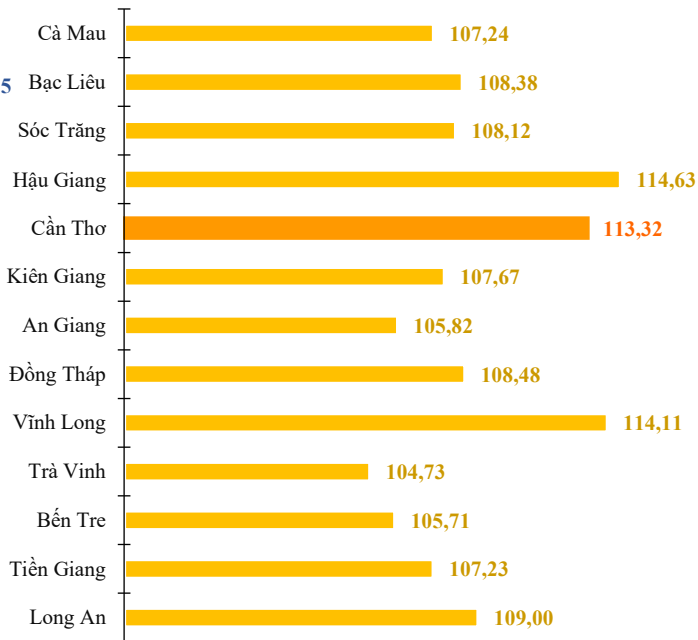
GRDP của 5 TP trực thuộc TW
(theo năm, %)



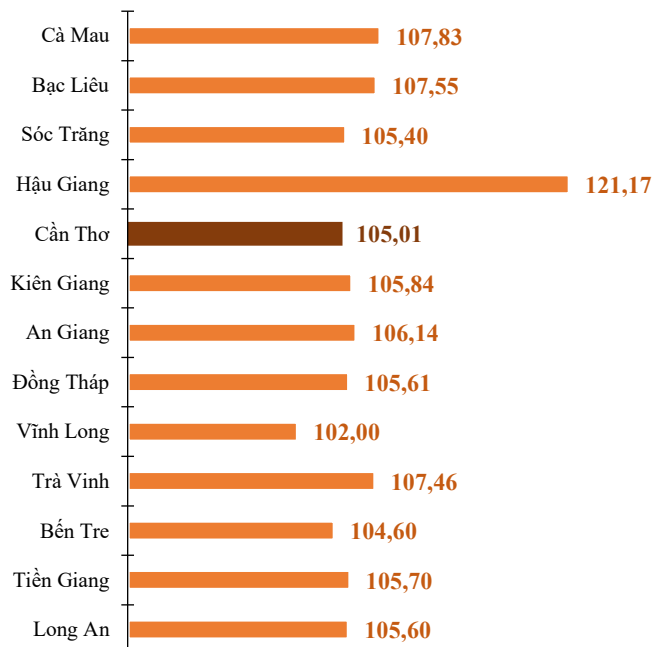
GRDP 13 tỉnh ĐBSCL năm 2021 (theo năm, %)



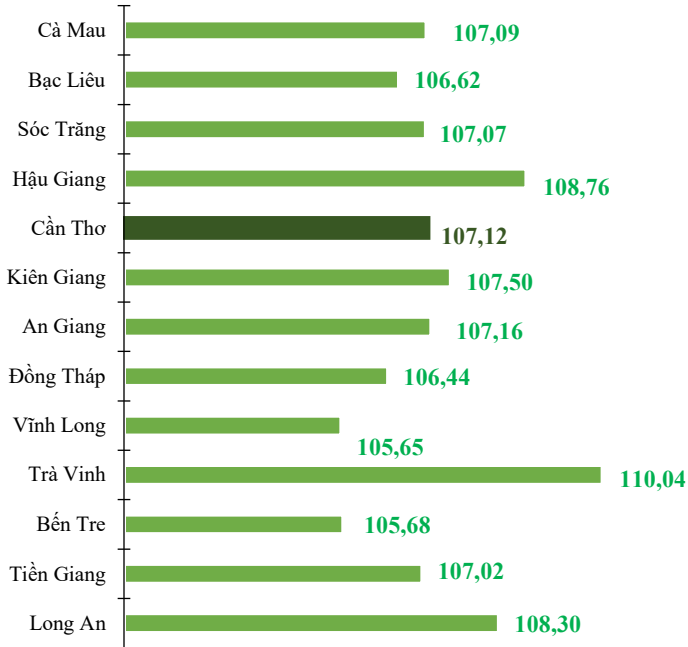
GRDP 13 tỉnh ĐBSCL năm 2022 (theo năm, %)



GRDP 13 tỉnh ĐBSCL năm 2023 (theo năm, %)



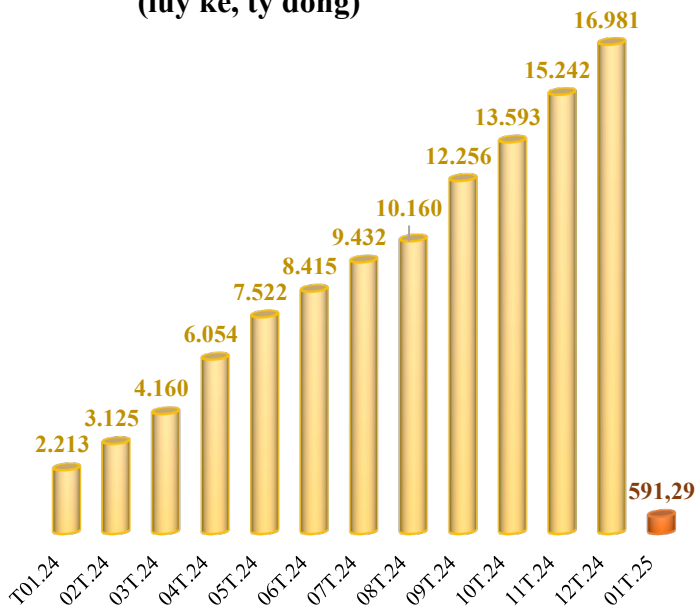
GRDP 13 tỉnh ĐBSCL năm 2024 (theo năm, %)



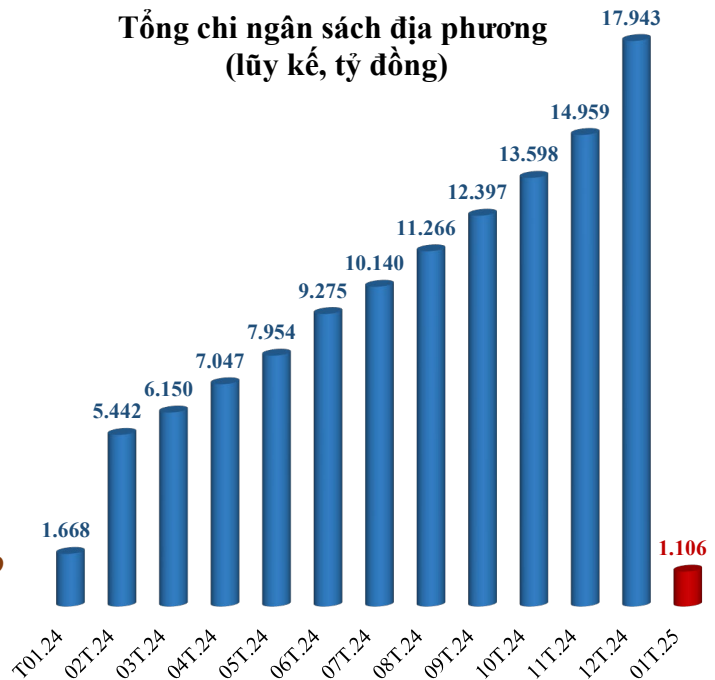


MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG 01 NĂM 2025

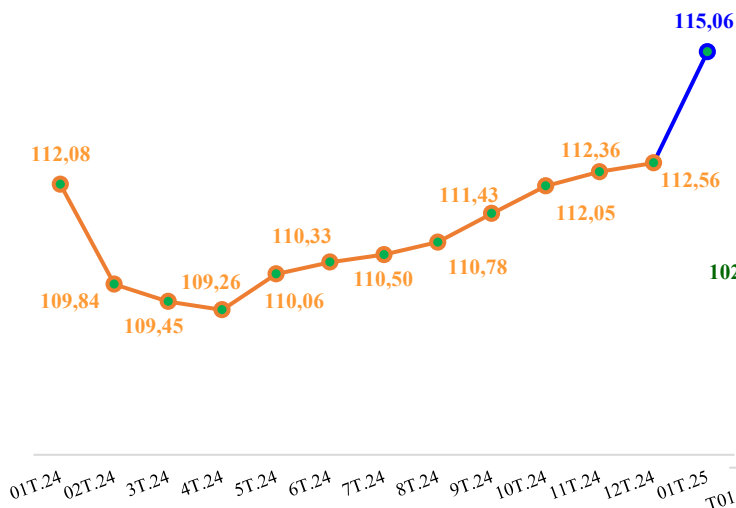
**Tổng thu ngân sách nhà nước
(lũy kế, tỷ đồng)**



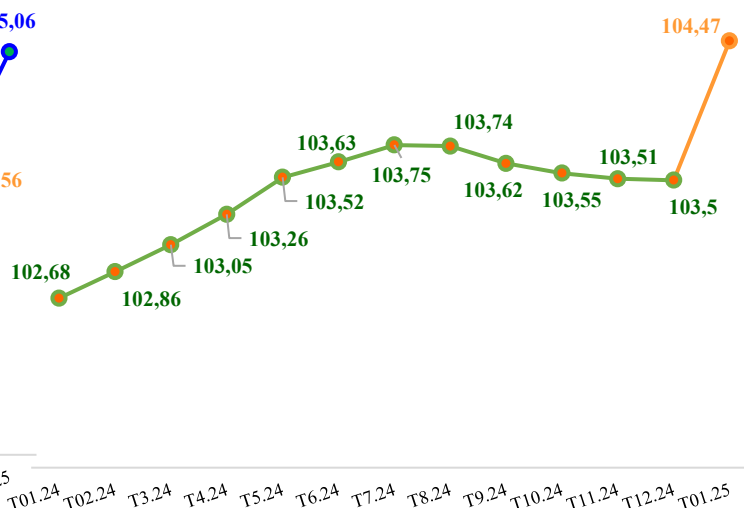
**Tổng chi ngân sách địa phương
(lũy kế, tỷ đồng)**



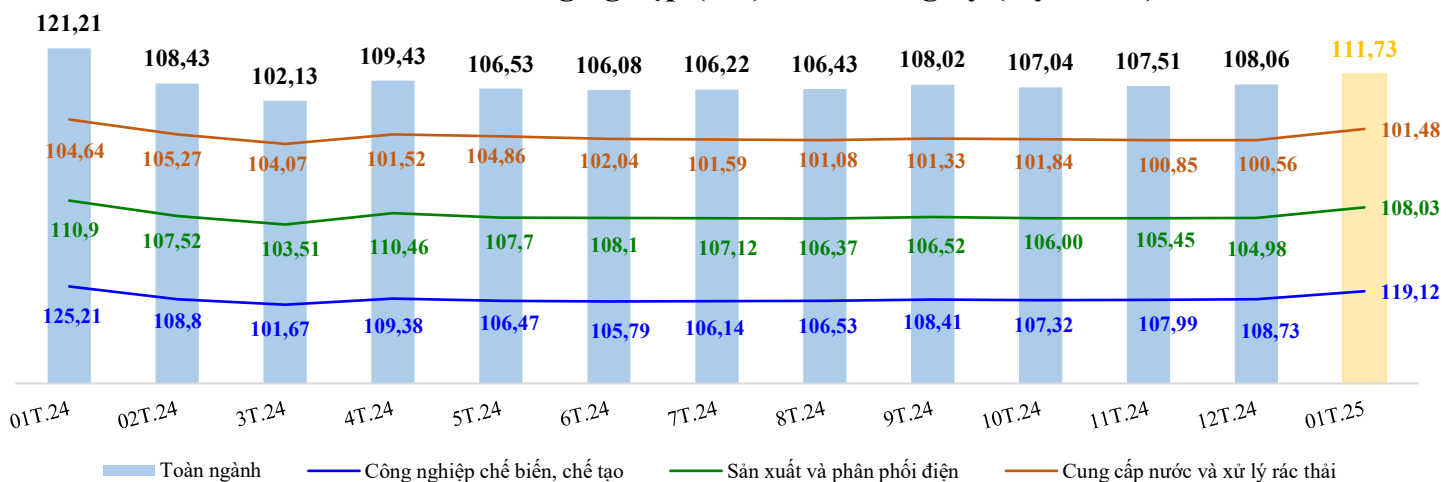
**Tốc độ tăng/giảm Tổng mức bán lẻ và doanh
thu dịch vụ tiêu dùng so cùng kỳ (lũy kế, %)**



**Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cùng kỳ
(lũy kế, %)**



Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ (lũy kế, %)

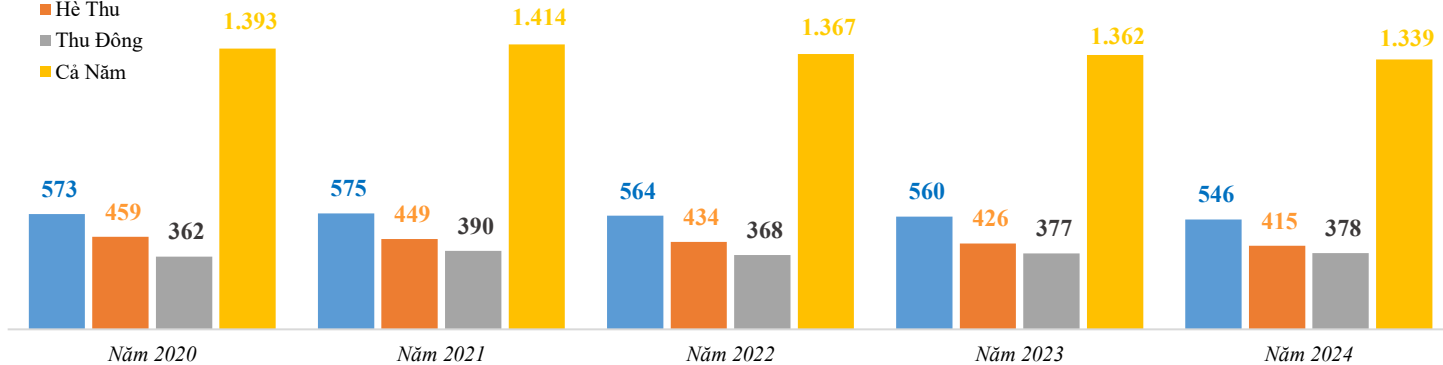




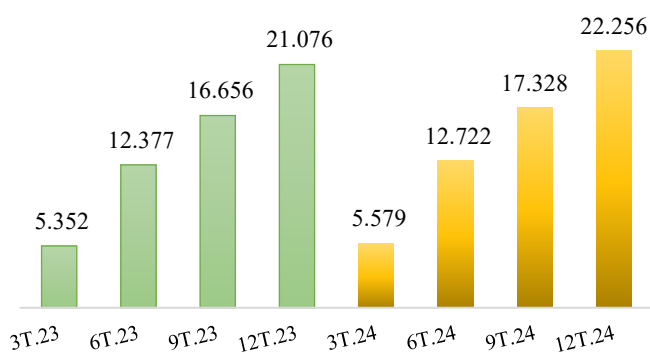
NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

- Đông Xuân
- Hè Thu
- Thu Đông
- Cả Năm

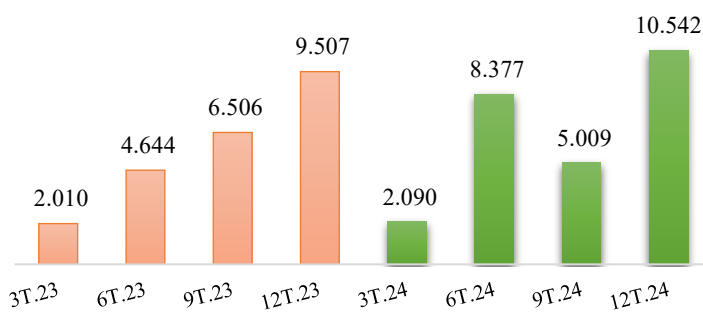
Sản lượng lúa năm 2020 - 2024 (theo vụ, nghìn tấn)



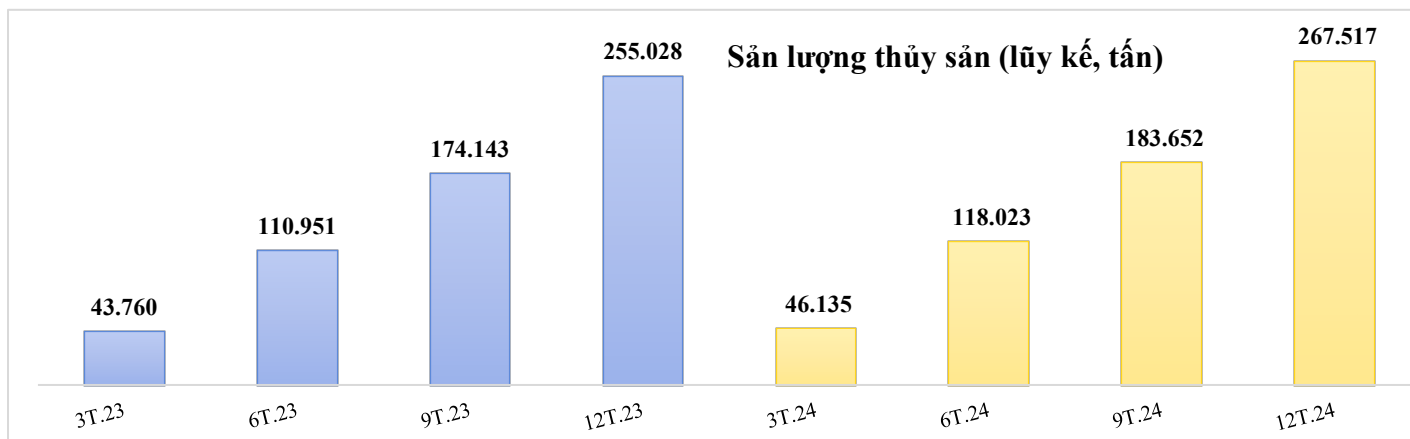
Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng (lũy kế, tấn)



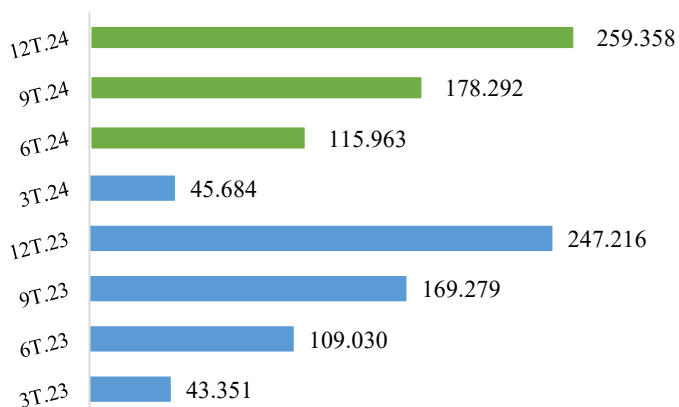
Sản lượng thịt gia cầm xuất chuồng (lũy kế, tấn)



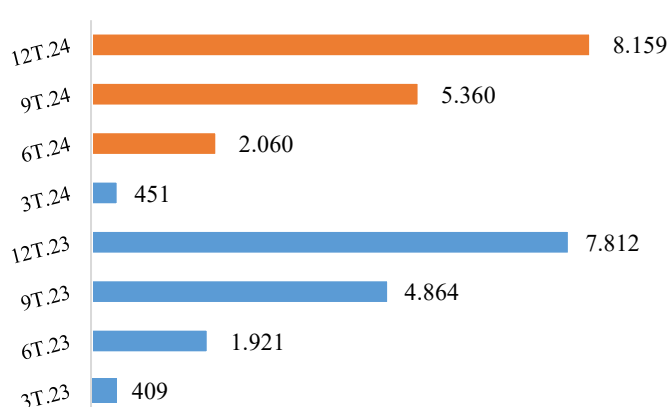
Sản lượng thủy sản (lũy kế, tấn)



Sản lượng nuôi trồng (tấn)



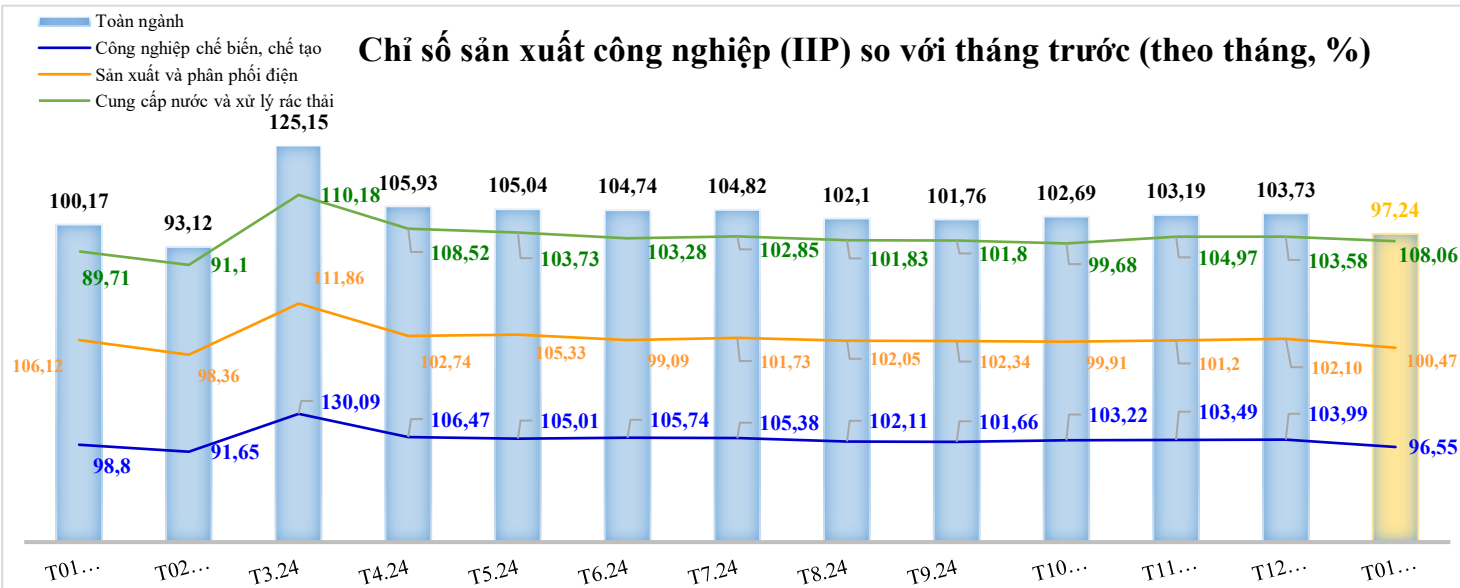
Sản lượng khai thác (tấn)



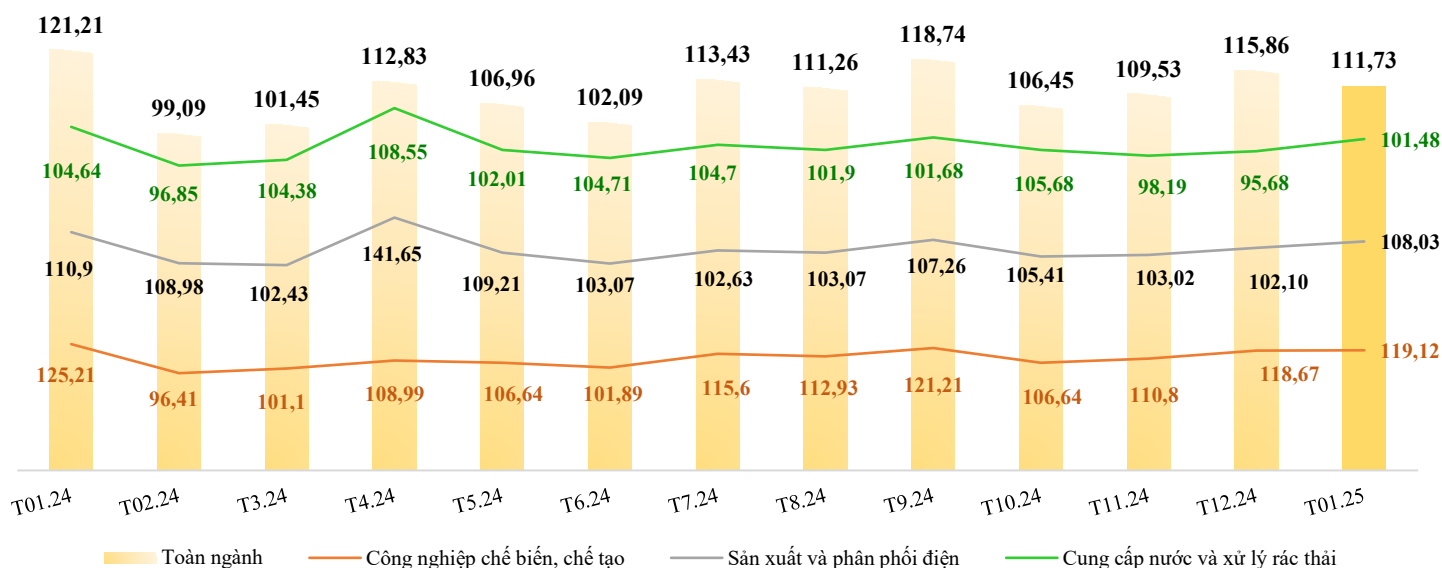


CÔNG NGHIỆP

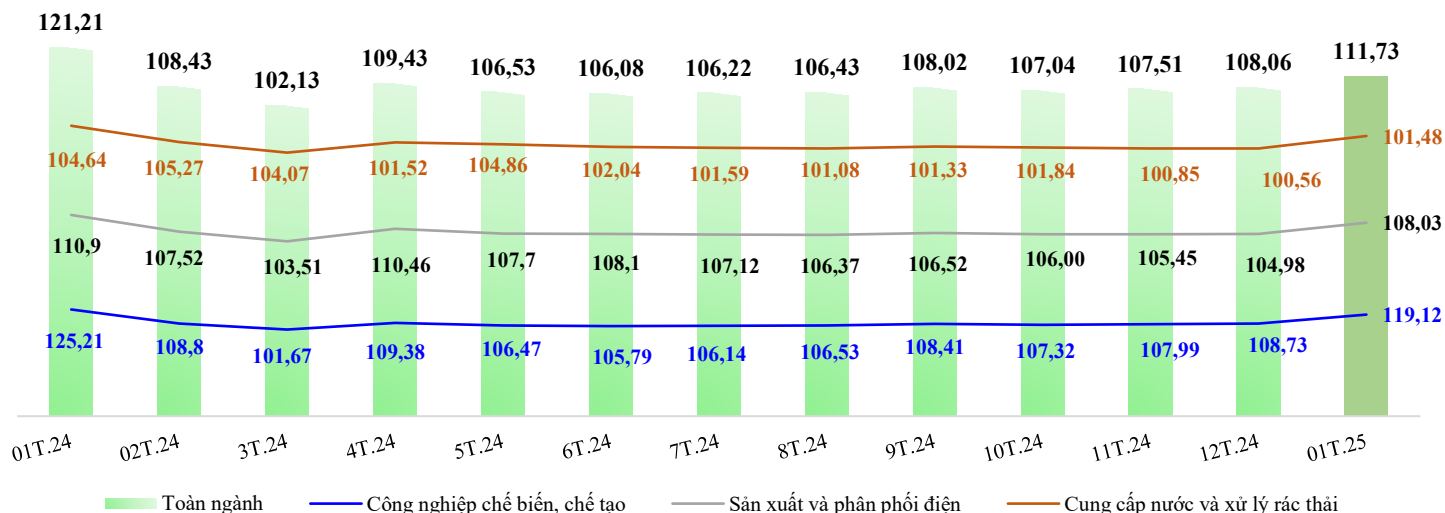
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với tháng trước (theo tháng, %)



Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với tháng cùng kỳ (theo tháng, %)



Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ (lũy kế, %)



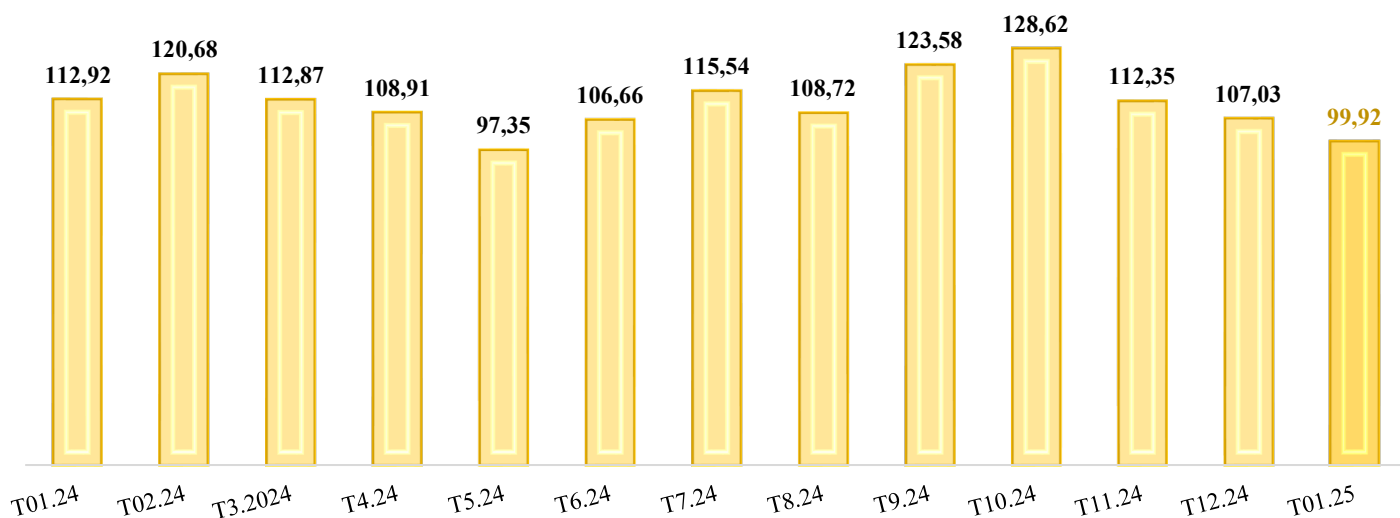


CÔNG NGHIỆP (tiếp)

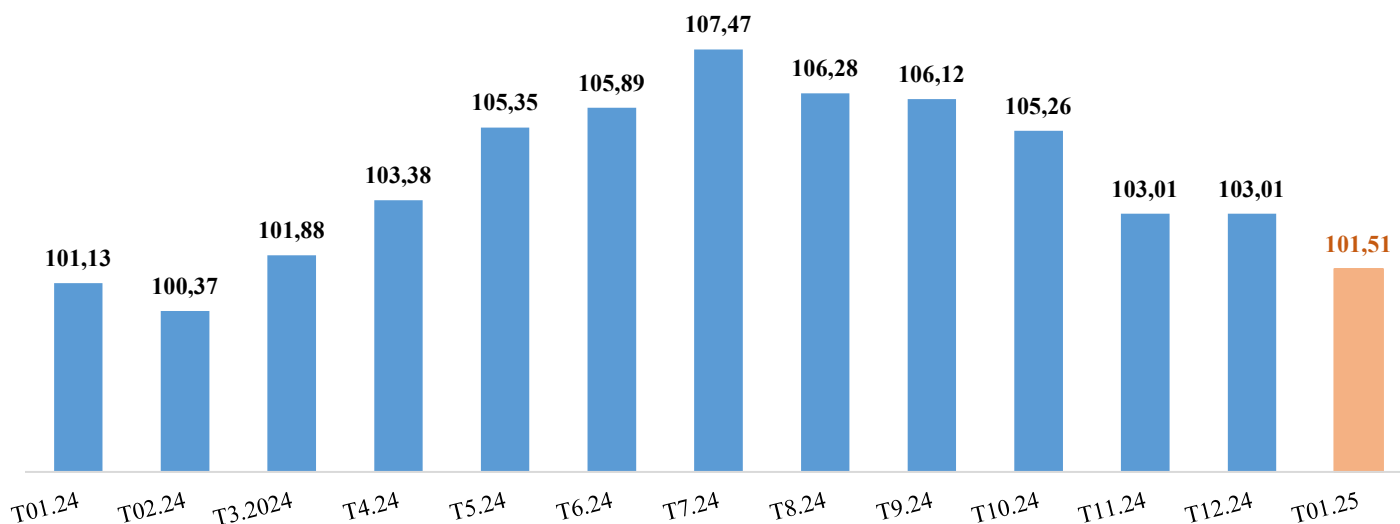
Chỉ số tiêu thụ so với cùng kỳ (tháng, %)



Chỉ số tồn kho so với cùng kỳ (tháng, %)



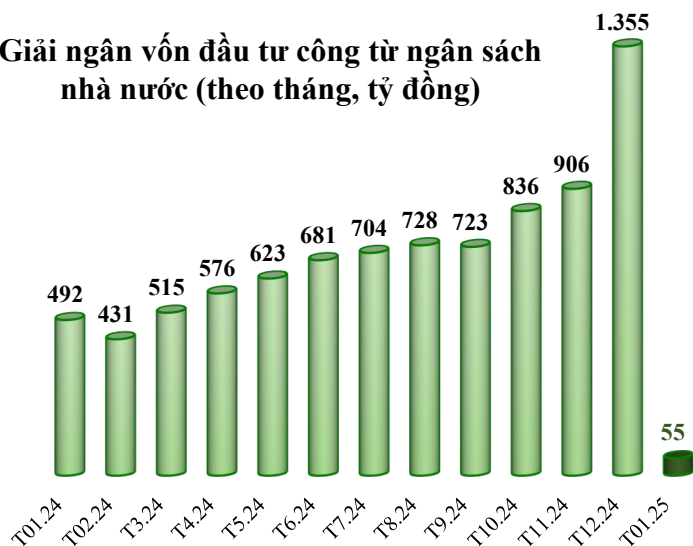
Chỉ số sử dụng lao động so với cùng kỳ (tháng, %)



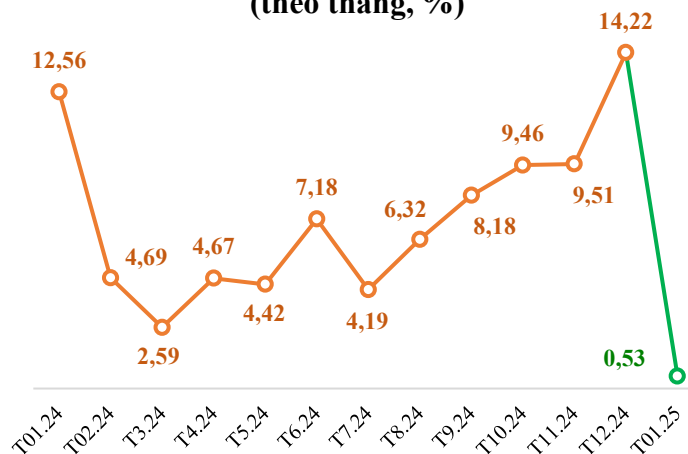


GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG(*)

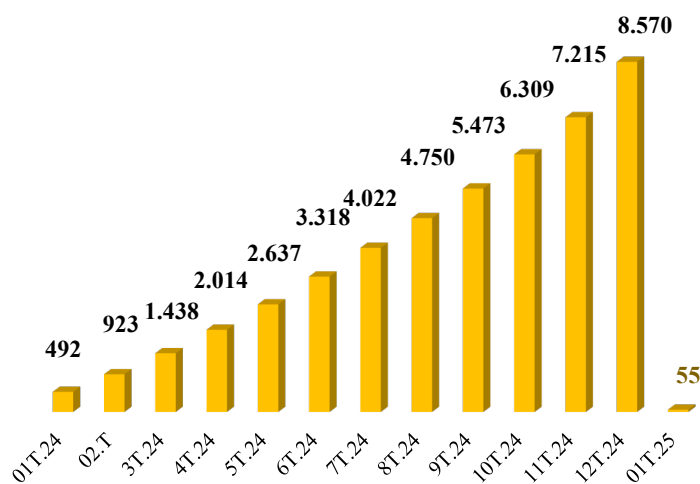
Giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước (theo tháng, tỷ đồng)



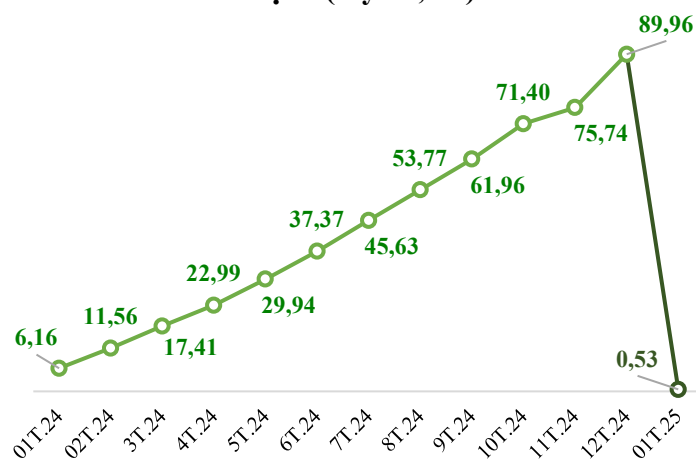
Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước năm 2024 so với kế hoạch (theo tháng, %)



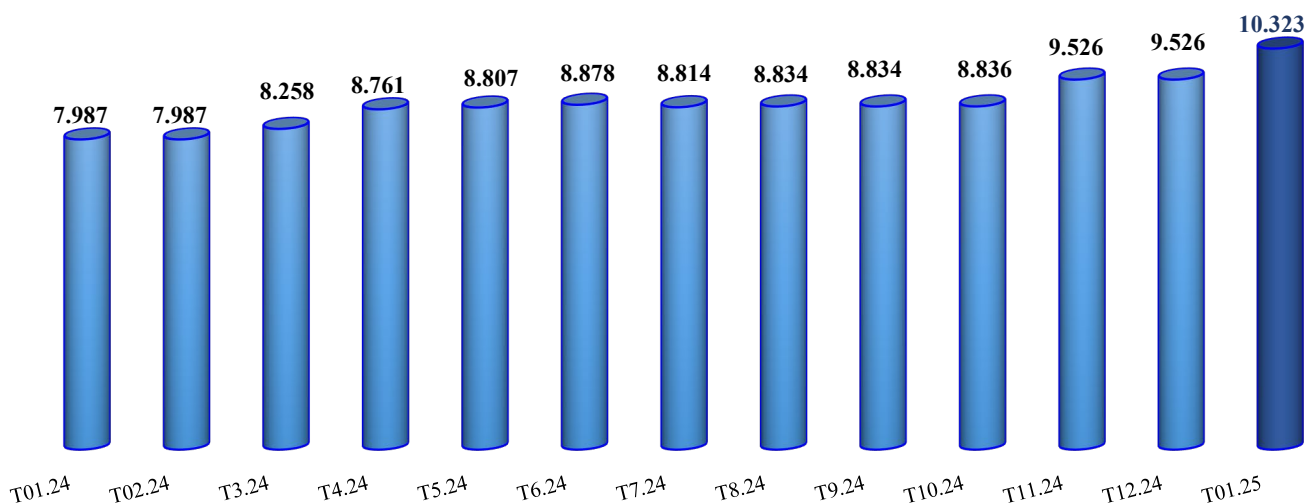
Giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước (lũy kế, tỷ đồng)



Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước năm 2024 so với kế hoạch (lũy kế, %)



Kế hoạch năm 2024 và tháng 01 năm 2025 (tỷ đồng)



Nguồn: Kho bạc thành phố Cần Thơ

(*) Điều chỉnh số chính thức từ tháng 1/2024 - 12/2024. Riêng tháng 01 số liệu đến ngày 25/01/2025

Tháng 01 năm 2025, ước cấp mới đăng ký kinh doanh cho 188 doanh nghiệp các loại hình, tăng 11,70% so với tháng trước và tăng 13% so với cùng kỳ, với tổng vốn đăng ký 847 tỷ đồng, giảm 36% so với 7 tháng trước và tăng 37% so cùng kỳ. Ước tổng số doanh nghiệp giải thể tự nguyện 4 doanh nghiệp, giảm 80% so tháng trước và giảm 82% so với cùng kỳ; ước đăng ký tạm ngưng hoạt động 460 doanh nghiệp, tăng 90% tháng trước và tăng 8% so với cùng kỳ; ước đăng ký hoạt động trở lại 190 doanh nghiệp, tăng 85,7% so với tháng trước và tăng 26% so với cùng kỳ (*)

Số DN đăng ký thành lập mới tháng 01 năm 2025



188 DN ↑ 13%

Tổng vốn đăng ký



847 tỷ đồng ↓ 37%

DN tạm ngưng



460 doanh nghiệp ↑ 8%

4 DN ↓ 82%



Doanh nghiệp
giải thể

190 DN ↑ 26%



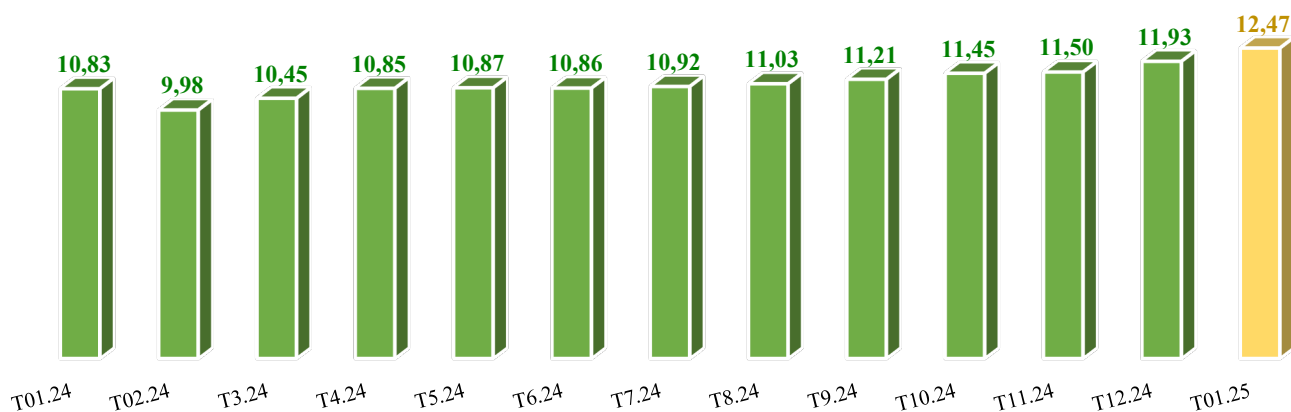
Doanh nghiệp quay
trở lại hoạt động

(*) Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố

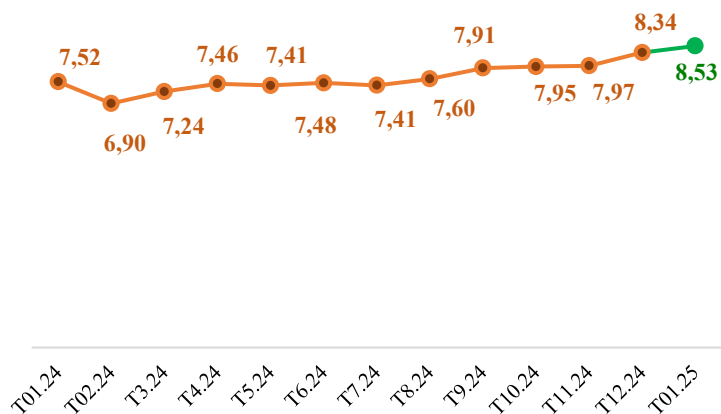


TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



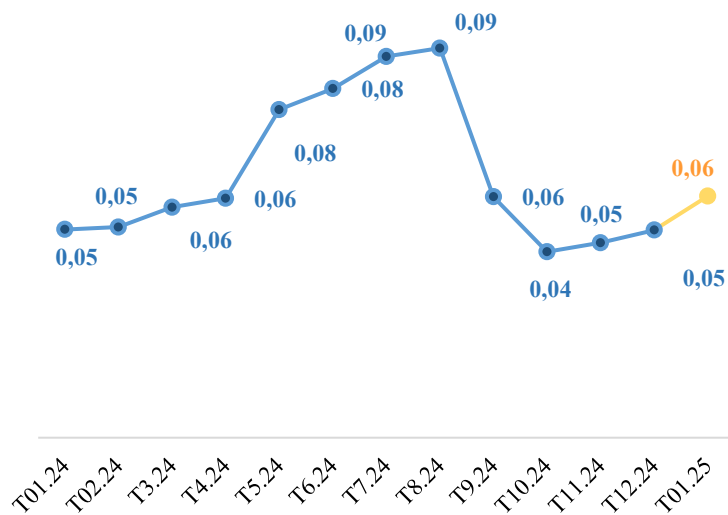
Bán lẻ hàng hóa (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



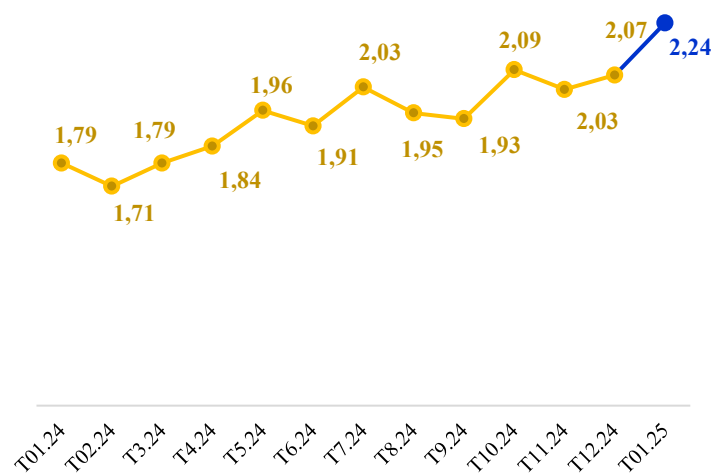
Dịch vụ lưu trú, ăn uống
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



Du lịch lữ hành (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



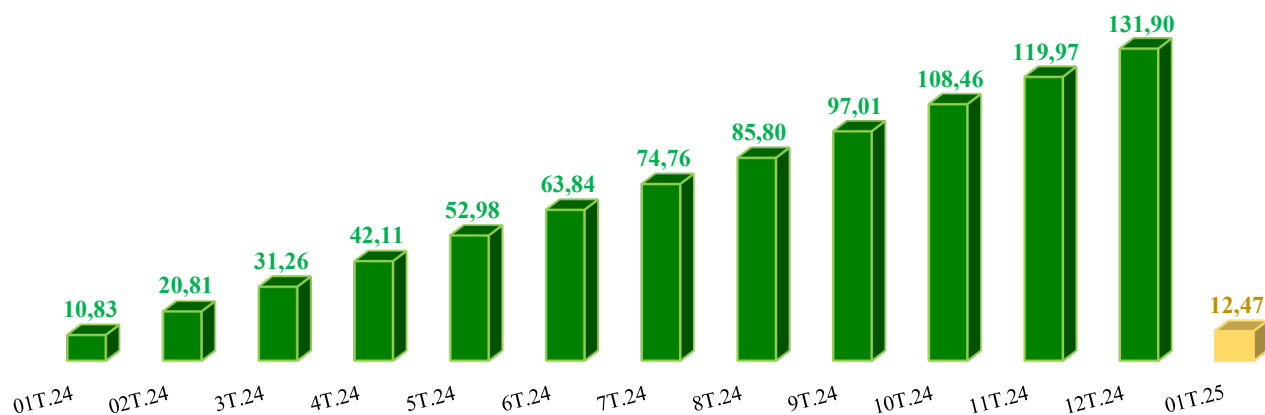
Dịch vụ khác (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



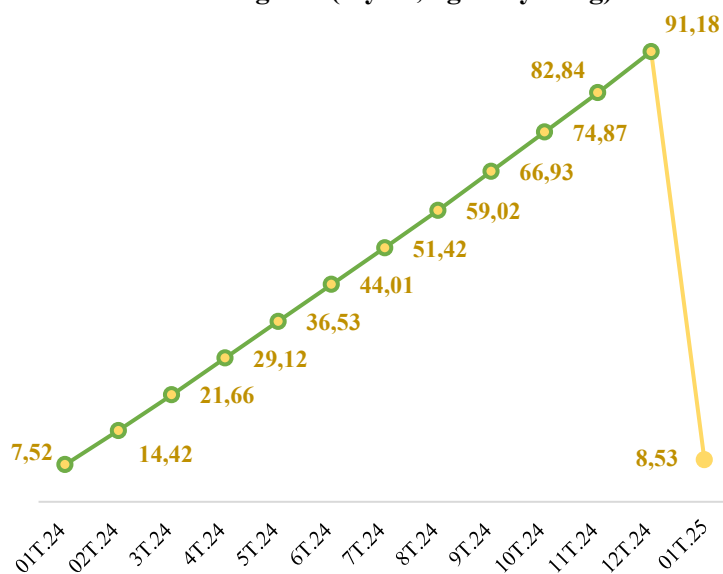


TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG (tiếp)

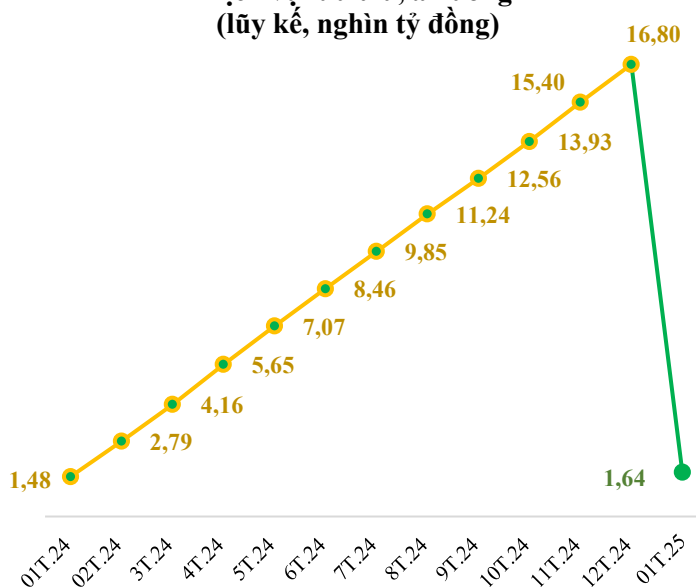
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



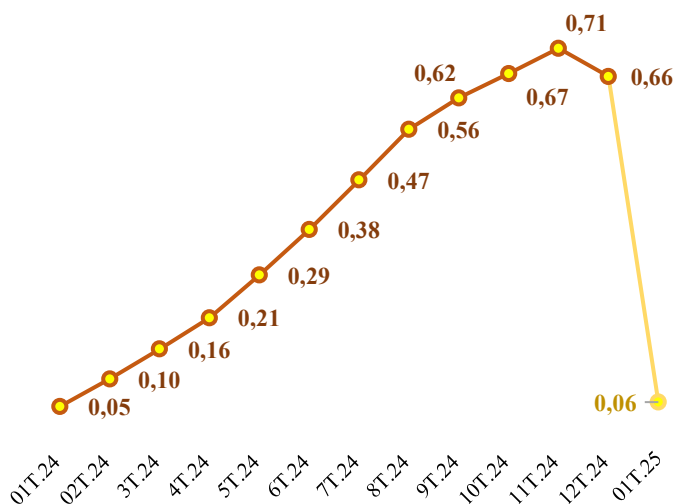
Bán lẻ hàng hóa (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



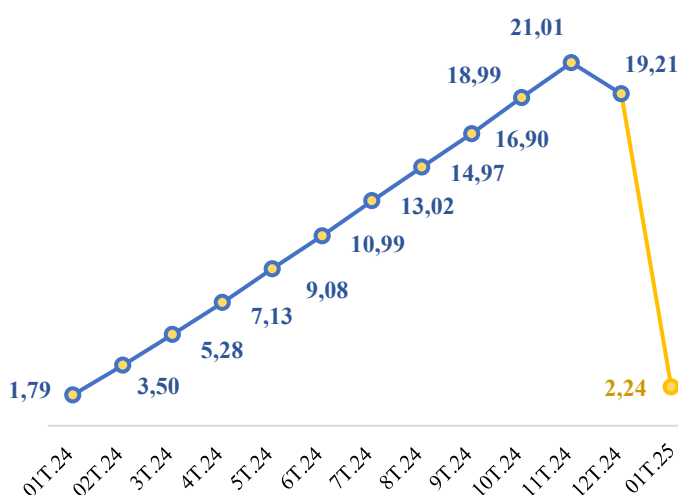
Dịch vụ lưu trú, ăn uống (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



Du lịch lữ hành (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



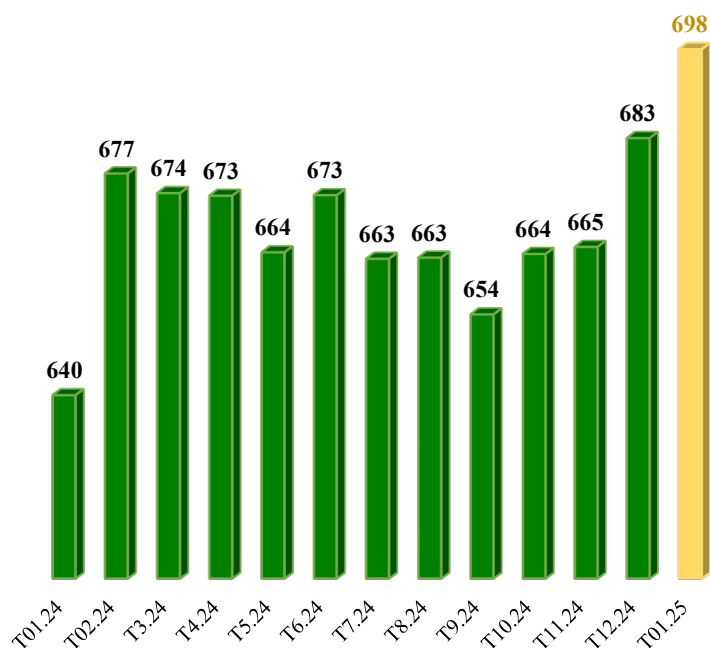
Dịch vụ khác (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



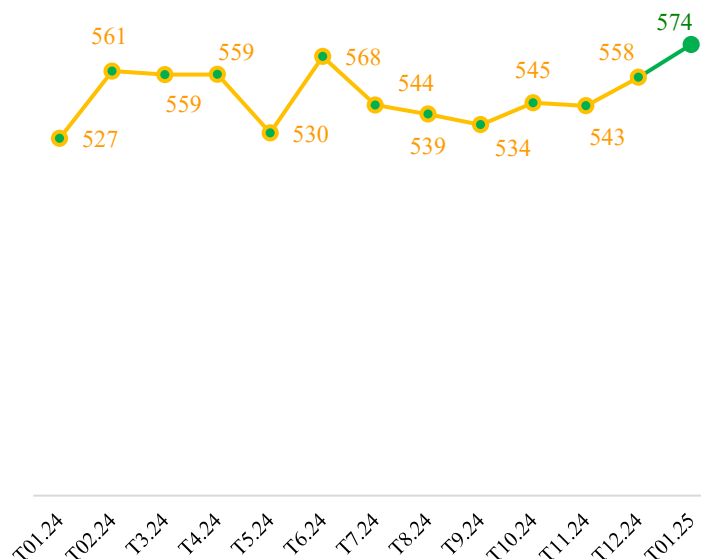


VẬN TẢI, KHO BÃI VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ VẬN TẢI

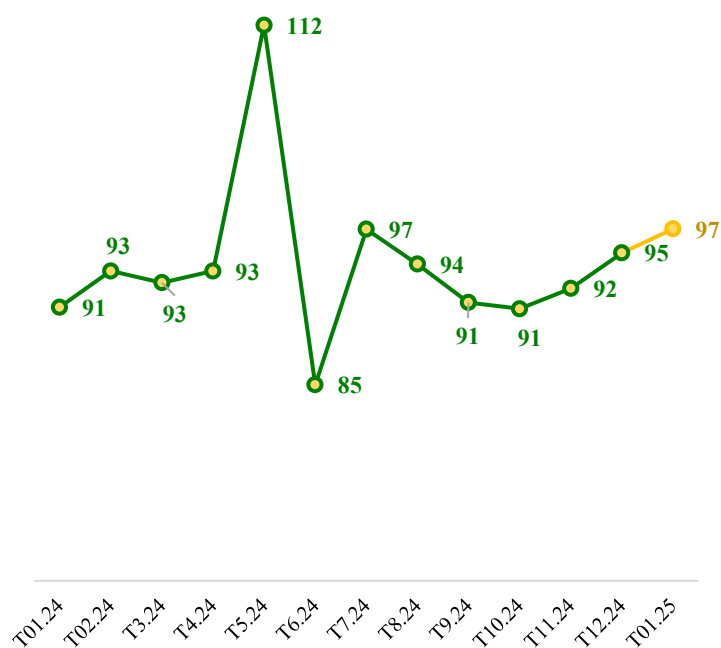
Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ vận tải (theo tháng, tỷ đồng)



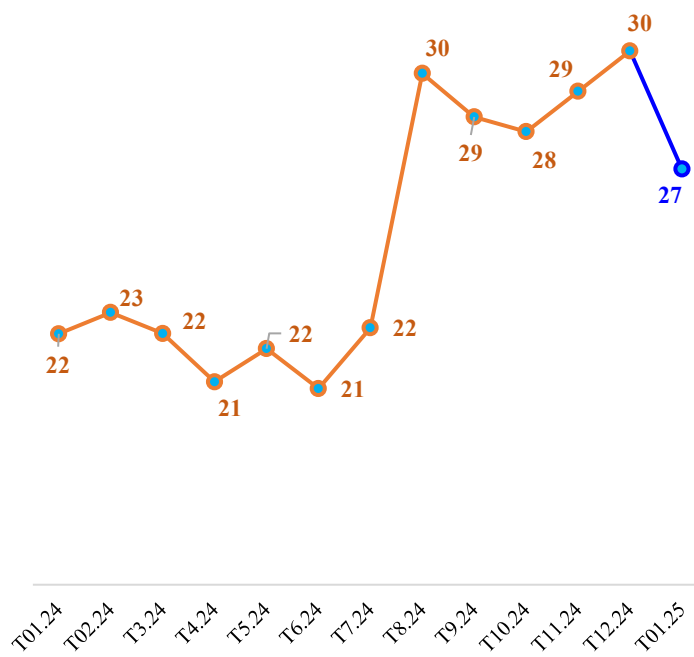
Doanh thu vận tải (theo tháng, tỷ đồng)



Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ (theo tháng, tỷ đồng)



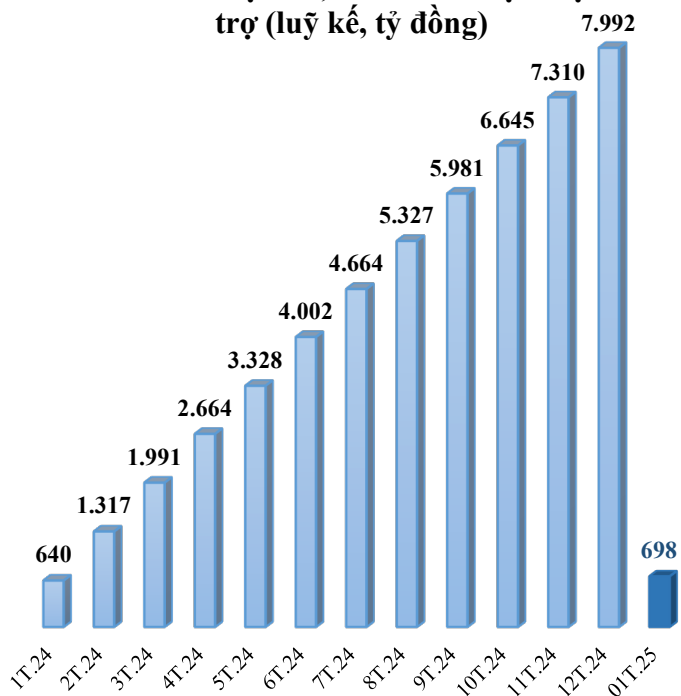
Doanh thu bưu chính, chuyển phát (theo tháng, tỷ đồng)



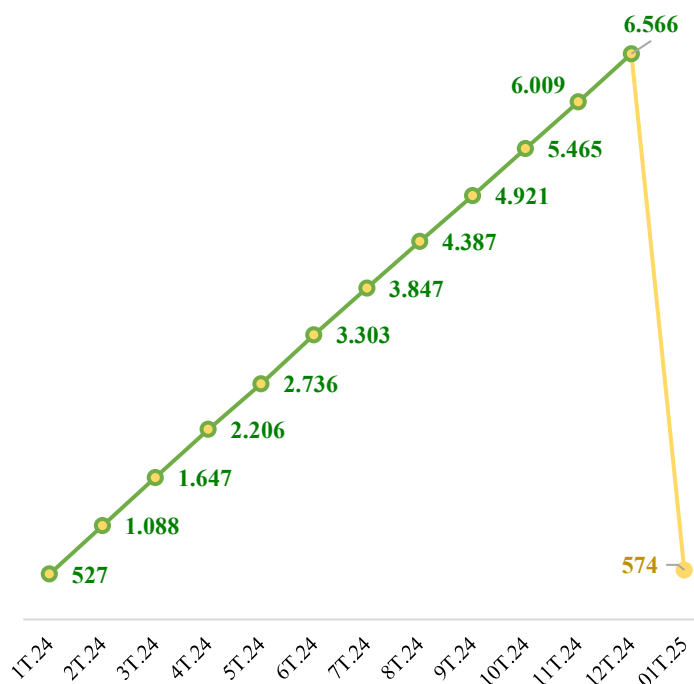


VẬN TẢI, KHO BÃI VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ VẬN TẢI (tiếp)

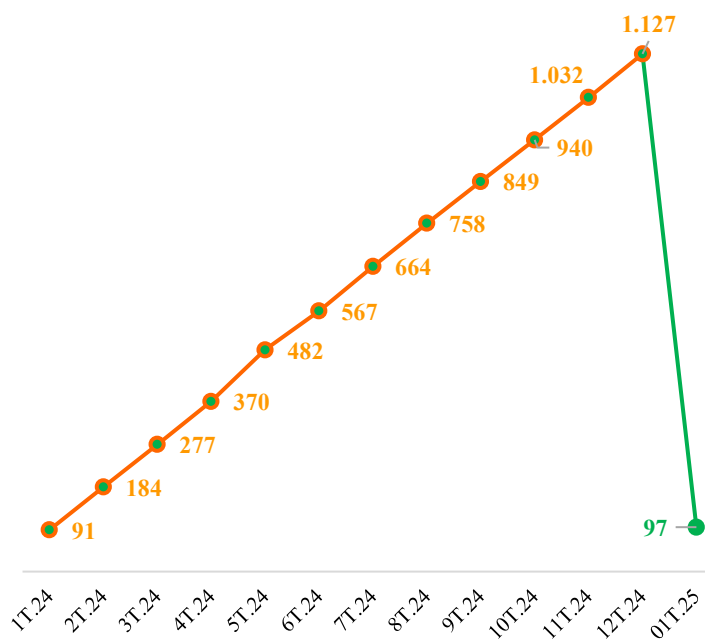
Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ (luỹ kế, tỷ đồng)



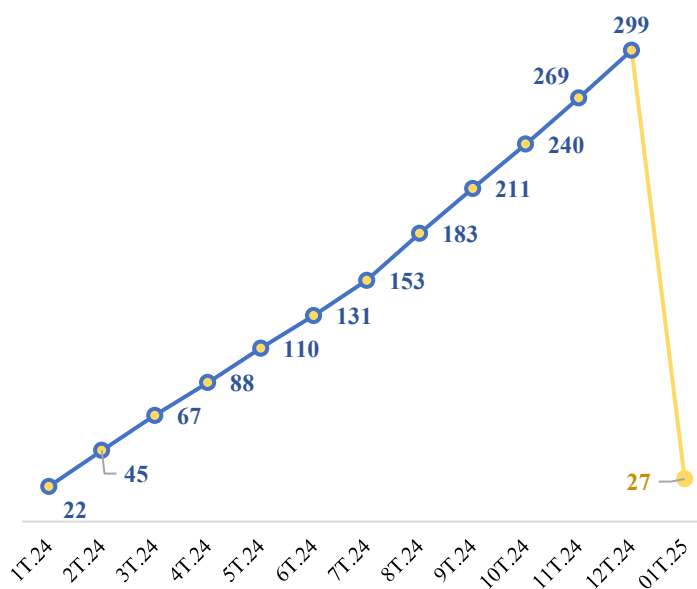
Doanh thu vận tải (luỹ kế, tỷ đồng)



Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ (luỹ kế, tỷ đồng)



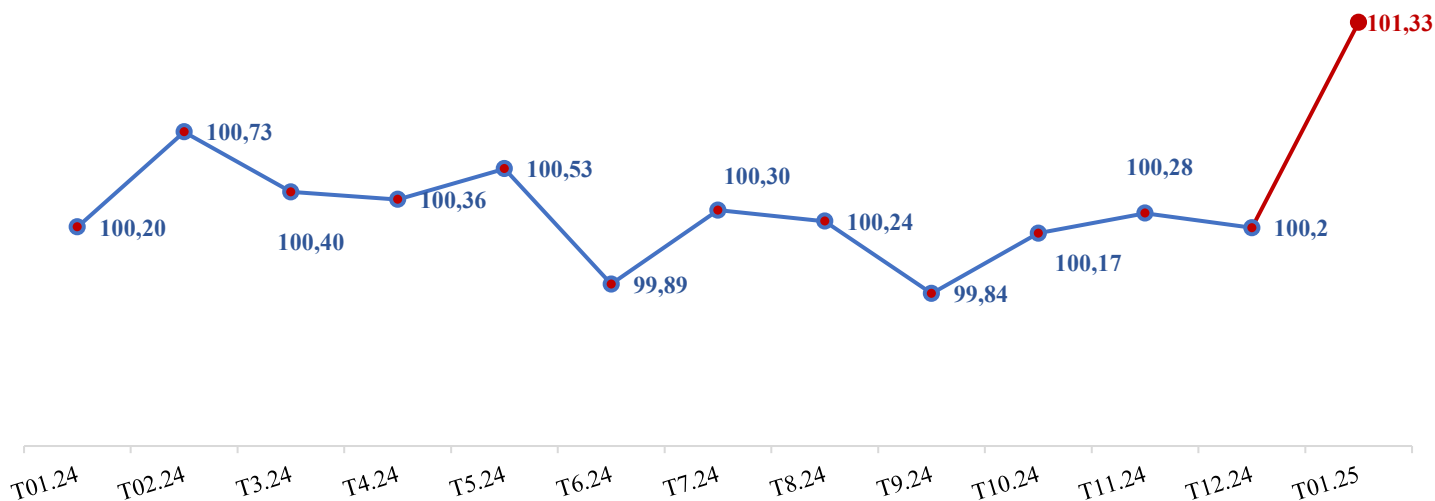
Doanh thu bưu chính, chuyển phát (luỹ kế, tỷ đồng)



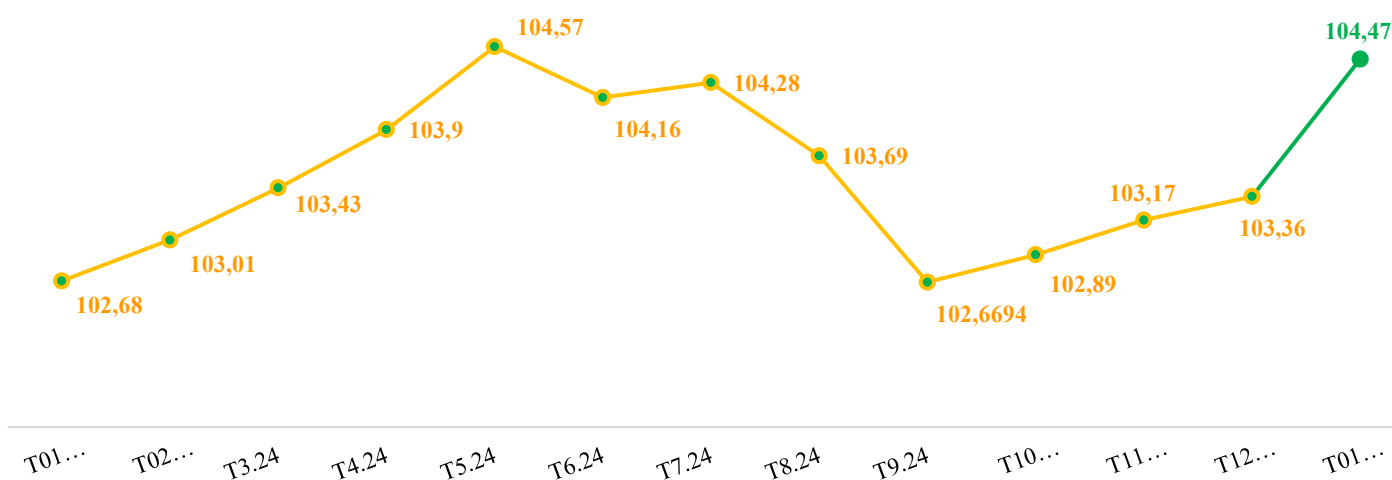


CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ

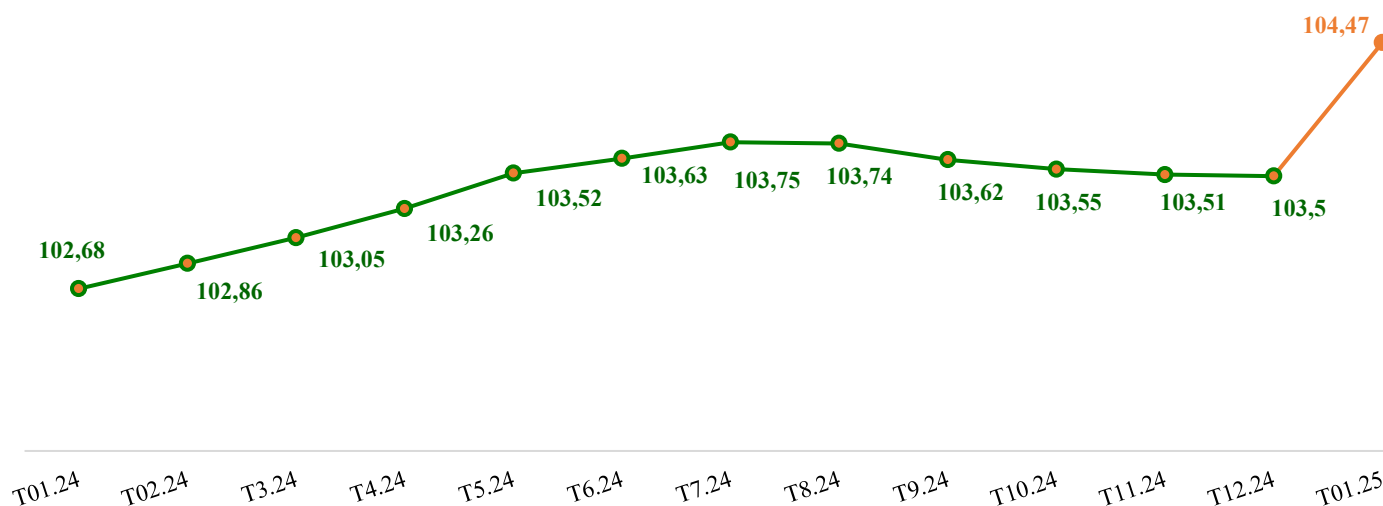
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) so với tháng trước (%)



Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) so với cùng kỳ (theo tháng, %)



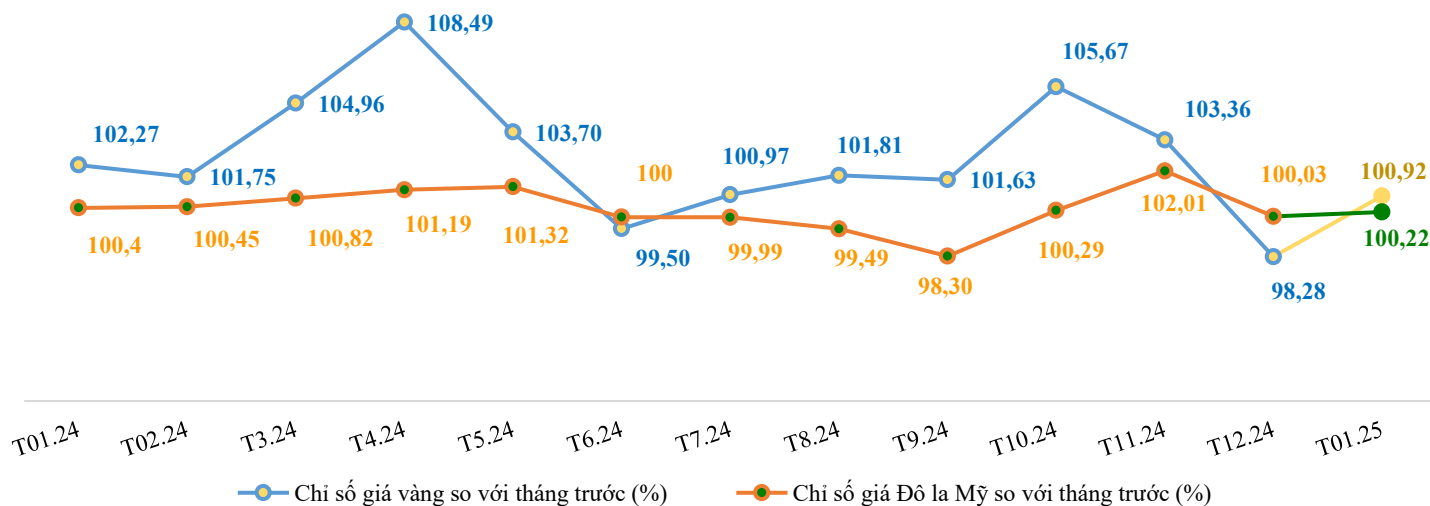
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cùng kỳ (lũy kế, %)



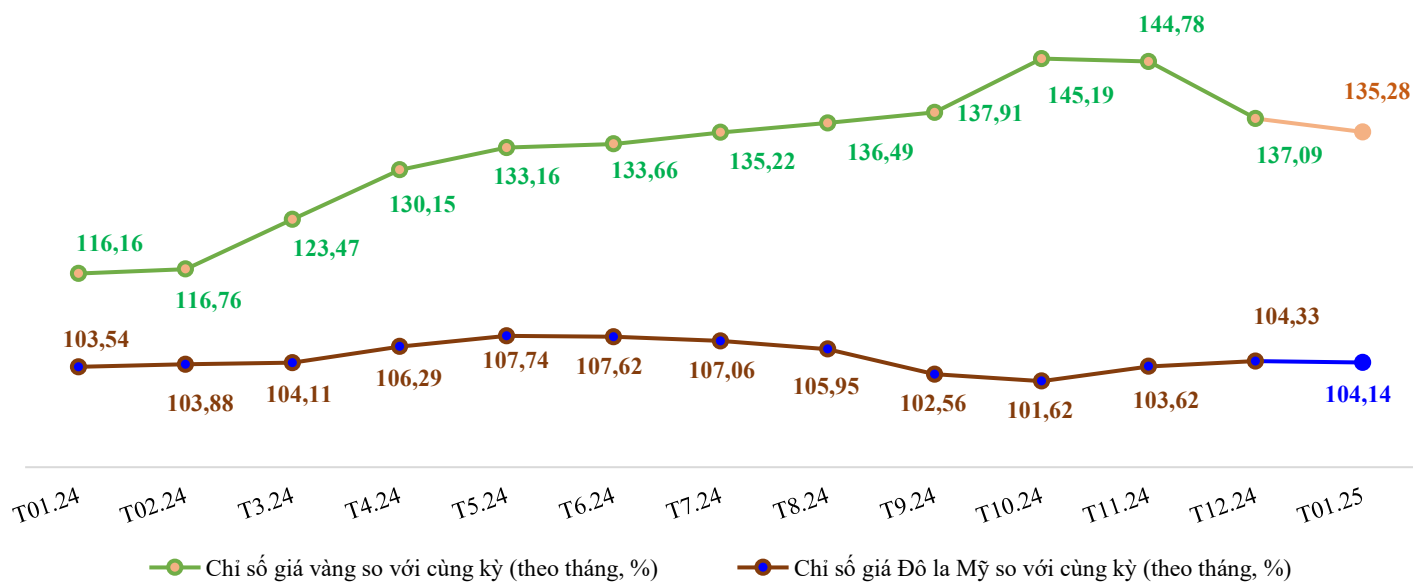


CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ (tiếp theo)

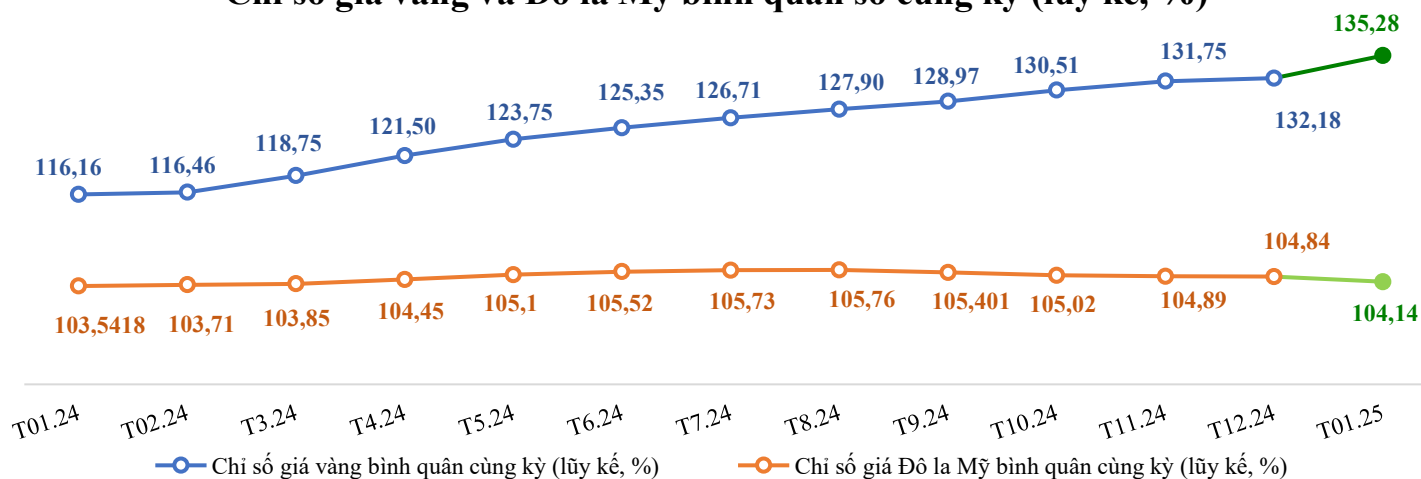
Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ so với tháng trước (%)



Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ so với cùng kỳ (theo tháng, %)



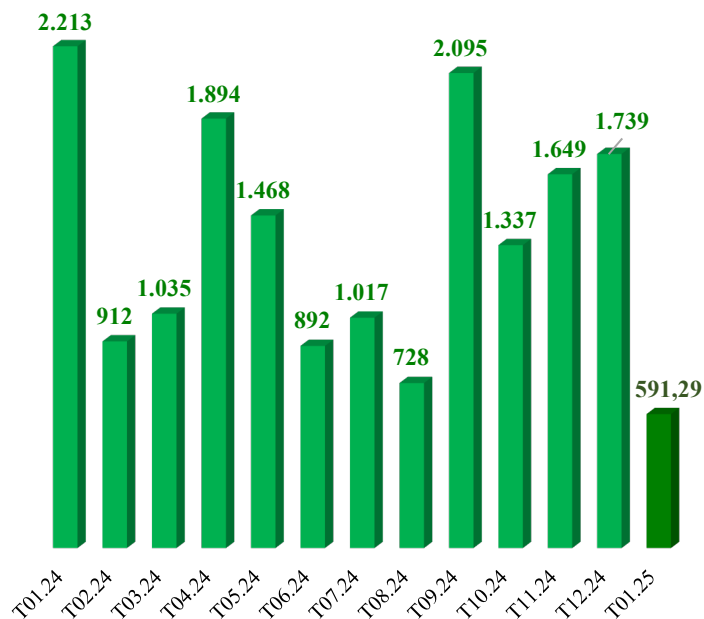
Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ bình quân so cùng kỳ (lũy kế, %)



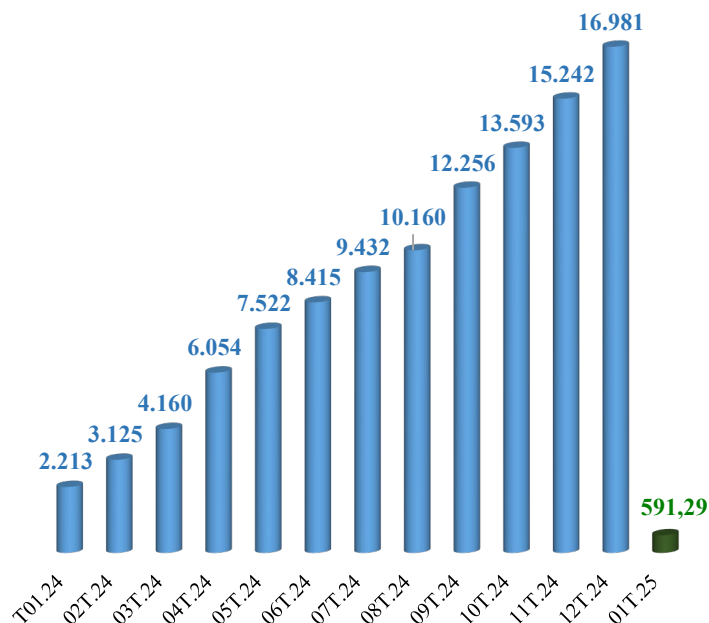


THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN(*)

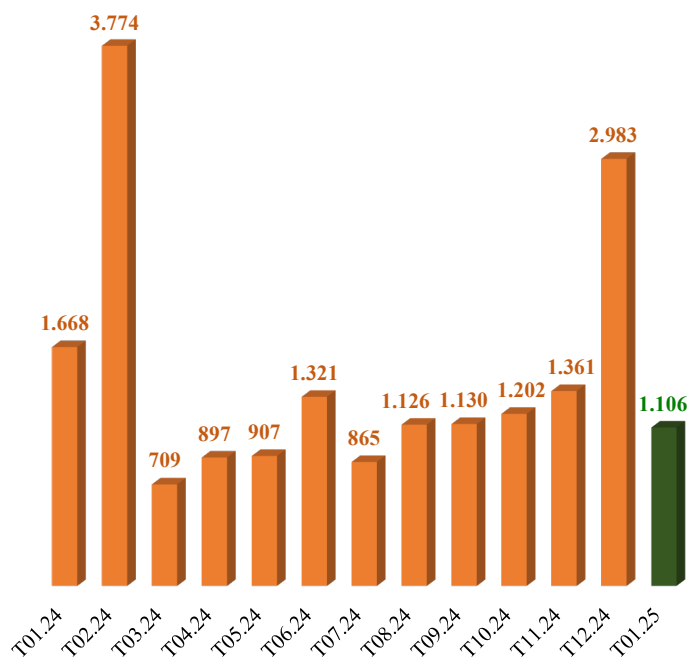
**Tổng thu ngân sách nhà nước
(theo tháng, tỷ đồng)**



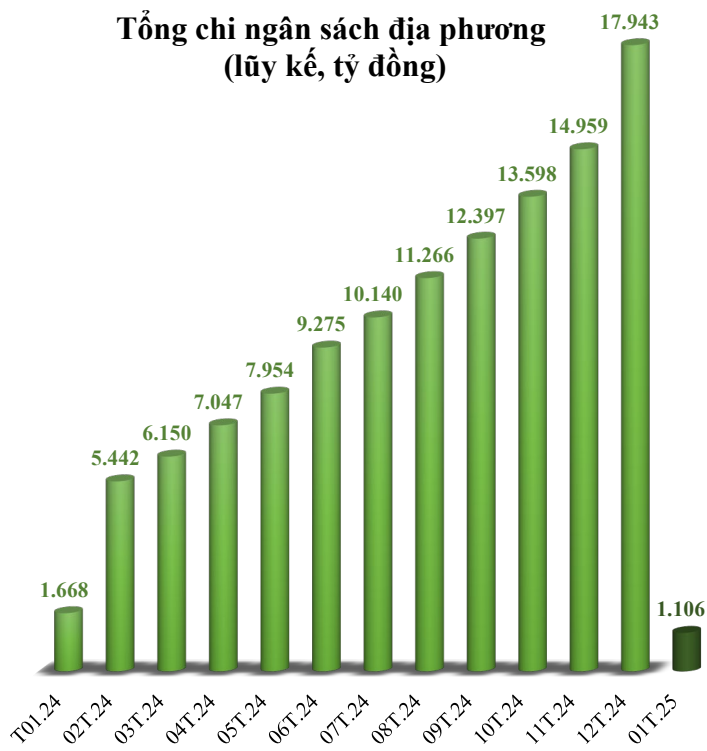
**Tổng thu ngân sách nhà nước
(lũy kế, tỷ đồng)**



**Tổng chi ngân sách địa phương
(theo tháng, tỷ đồng)**



**Tổng chi ngân sách địa phương
(lũy kế, tỷ đồng)**



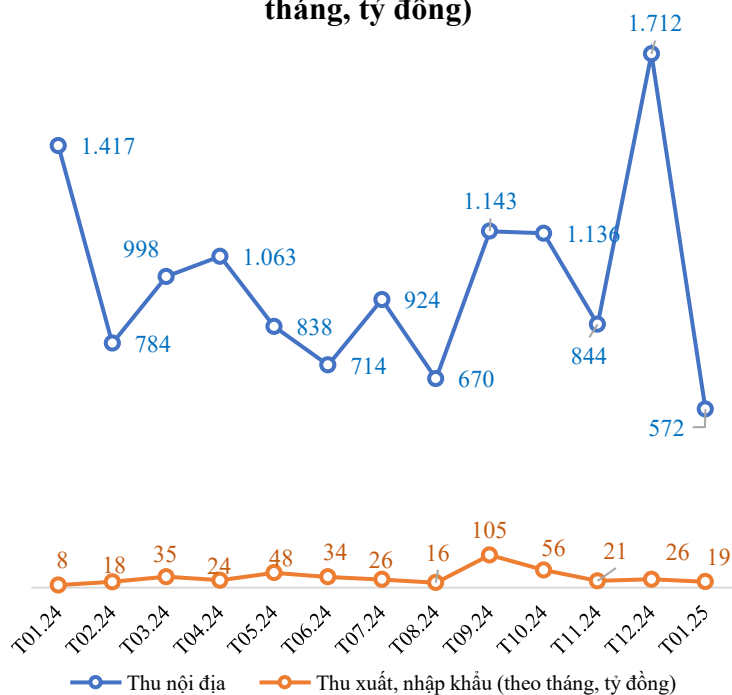
Nguồn: Sở Tài chính thành phố Cần Thơ

(*) Số liệu các tháng trước được cập nhật vào ngày cuối tháng. Riêng tháng 01 được cập nhật ngày 25/01/2025

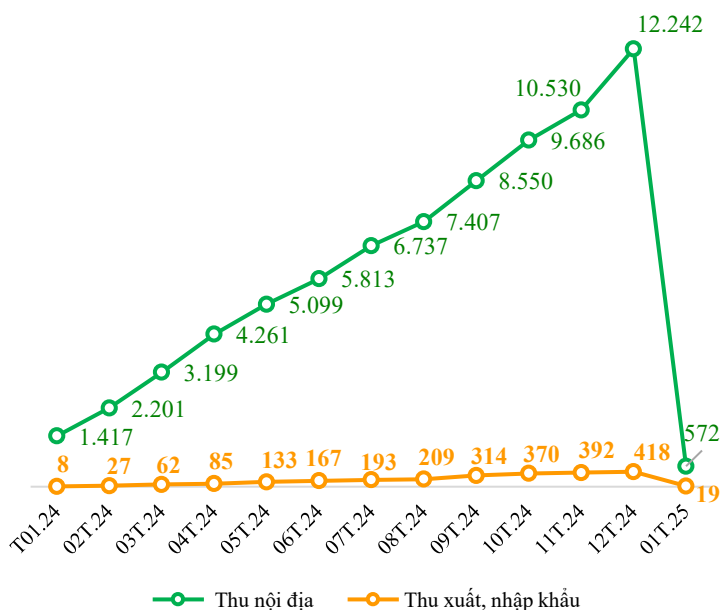


THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN(*) (tiếp theo)

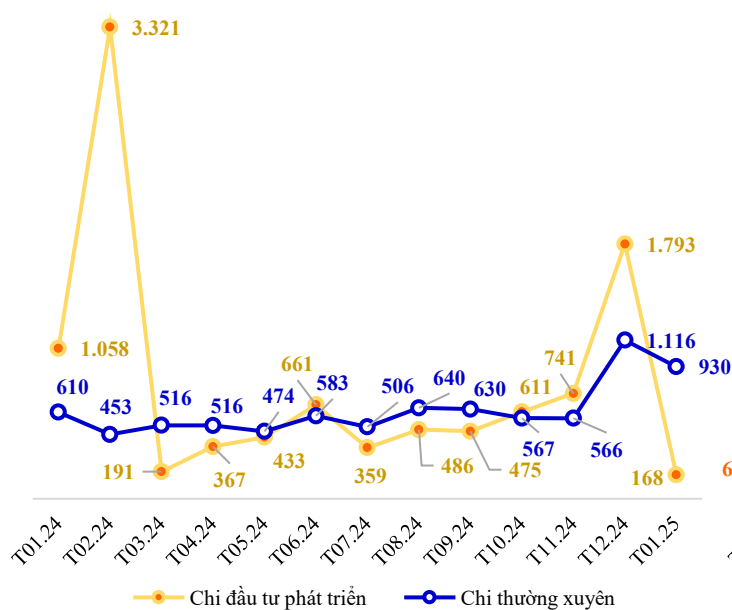
Thu nội địa và Thu xuất, nhập khẩu (theo tháng, tỷ đồng)



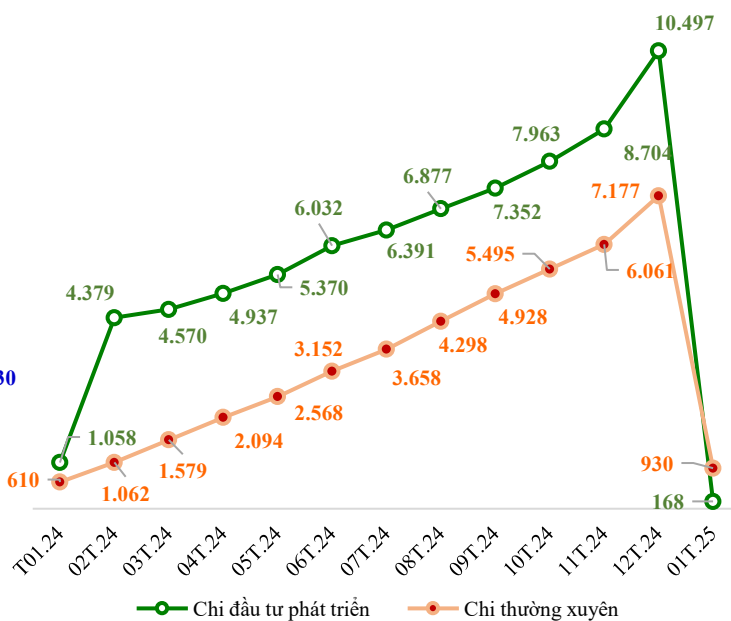
Thu nội địa và thu xuất, nhập khẩu (lũy kế, tỷ đồng)



Chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên (theo tháng, tỷ đồng)



Chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên (lũy kế, tỷ đồng)



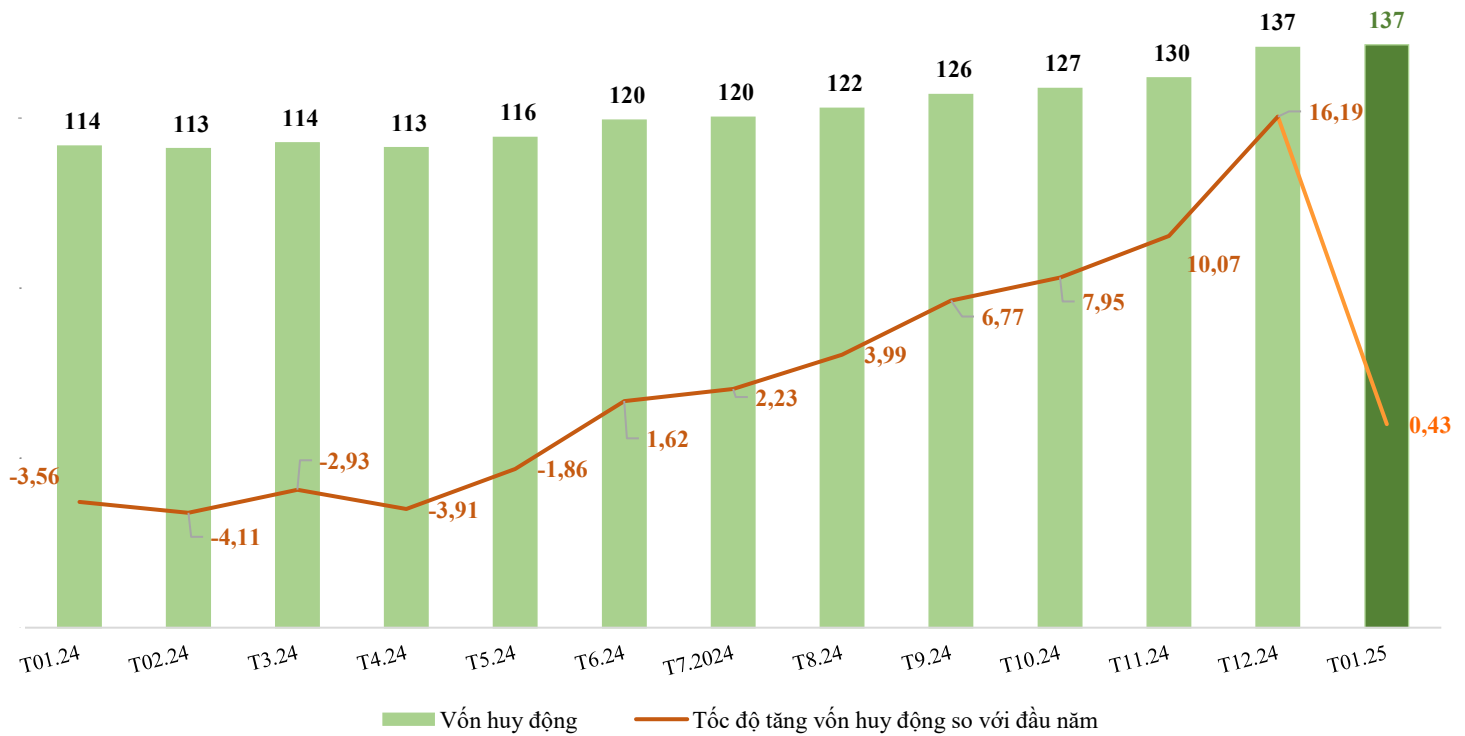
Nguồn: Sở Tài chính thành phố Cần Thơ

(*) Số liệu các tháng trước được cập nhật vào ngày cuối tháng. Riêng tháng 01 được cập nhật ngày 25/01/2025

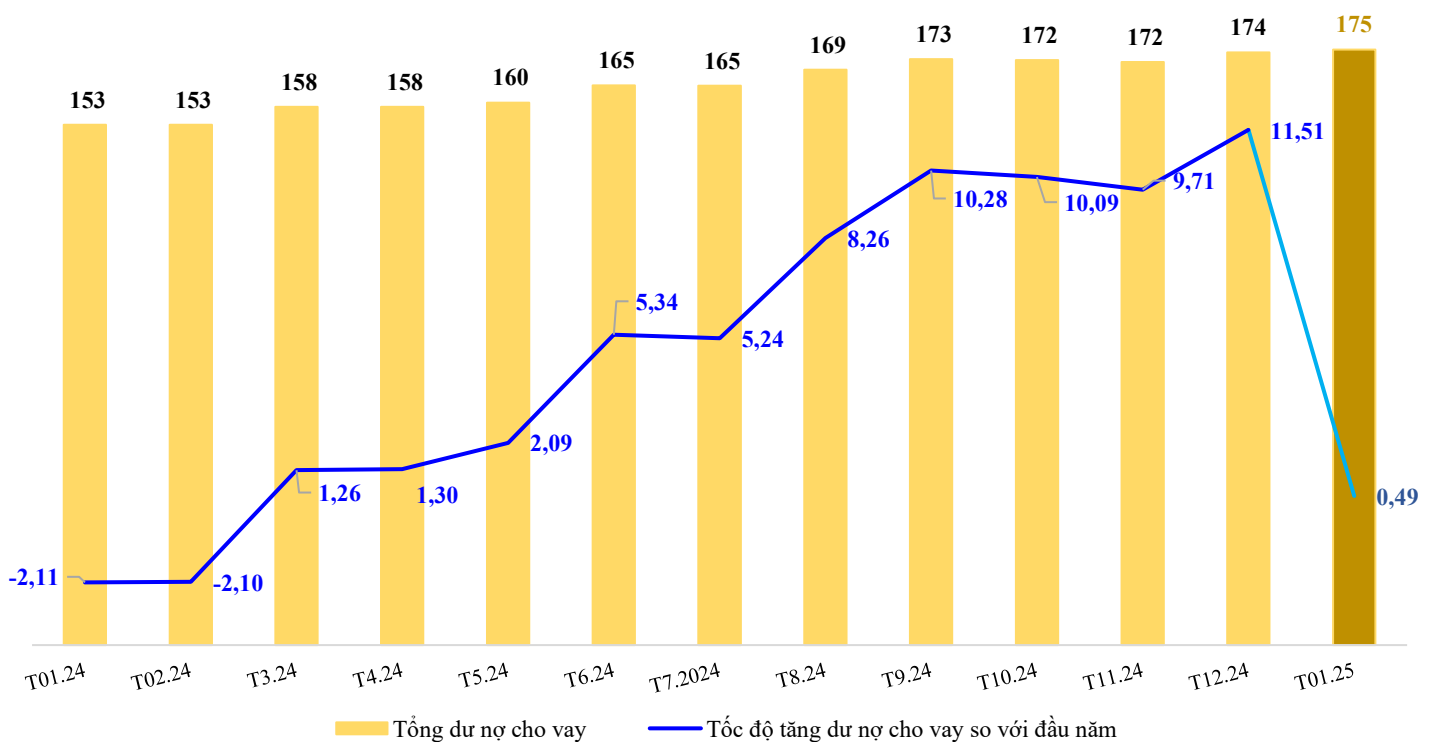


NGÂN HÀNG

Vốn huy động (theo tháng, nghìn tỷ đồng, %)



Tổng dư nợ cho vay (theo tháng, nghìn tỷ đồng, %)

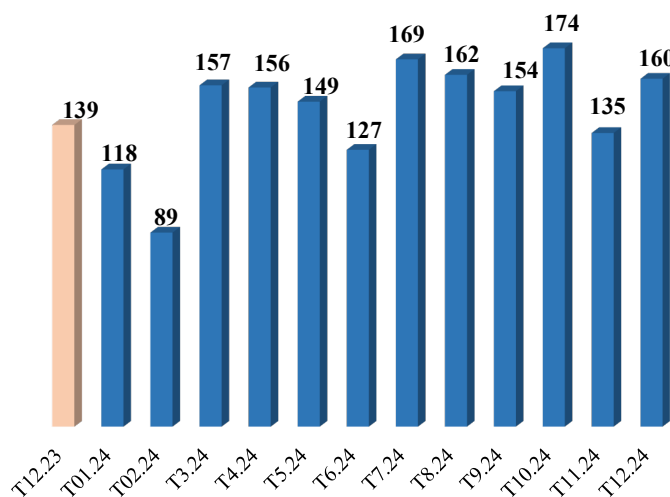


Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Cần Thơ

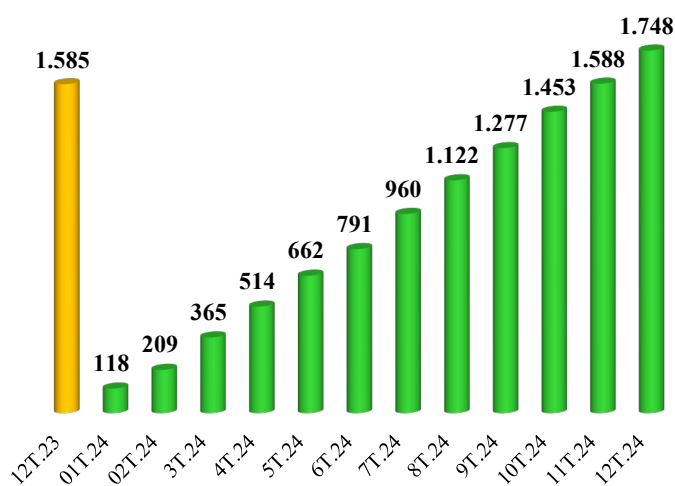


XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

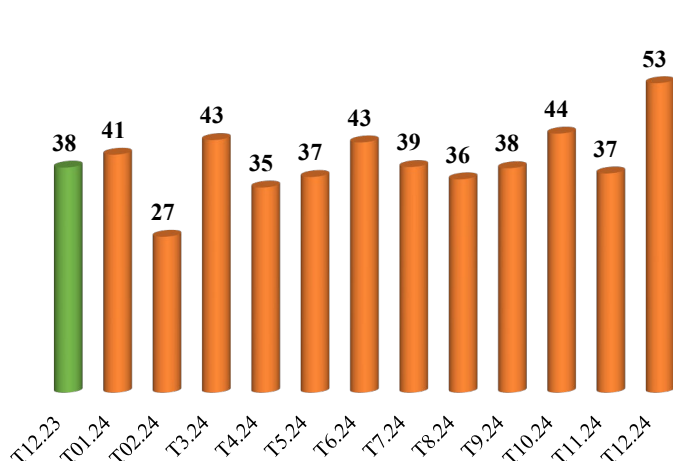
Xuất khẩu (theo tháng, triệu USD)



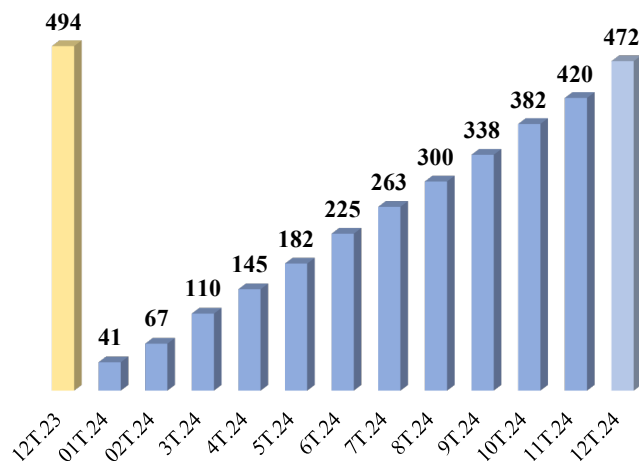
Xuất khẩu (lũy kế, triệu USD)



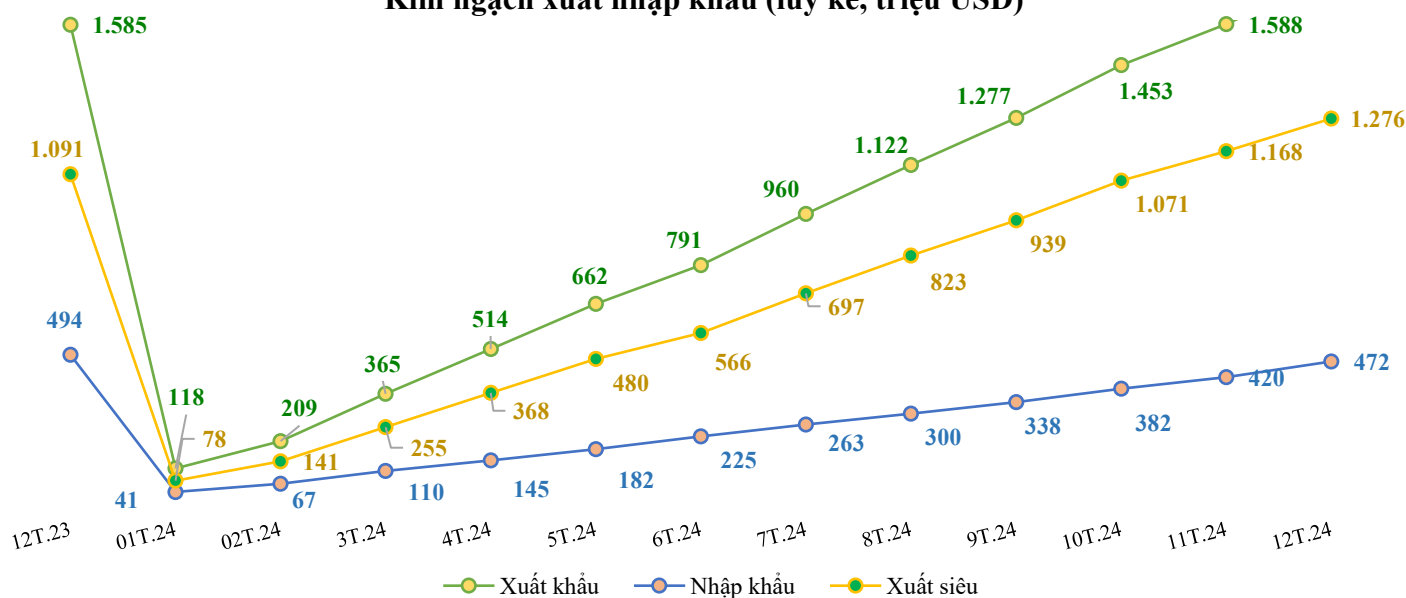
Nhập khẩu (theo tháng, triệu USD)



Nhập khẩu (lũy kế, triệu USD)



Kim ngạch xuất nhập khẩu (lũy kế, triệu USD)

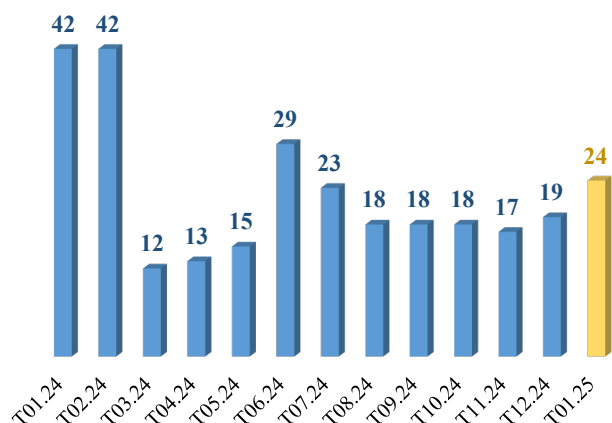


Nguồn: Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan (www.customs.gov.vn)

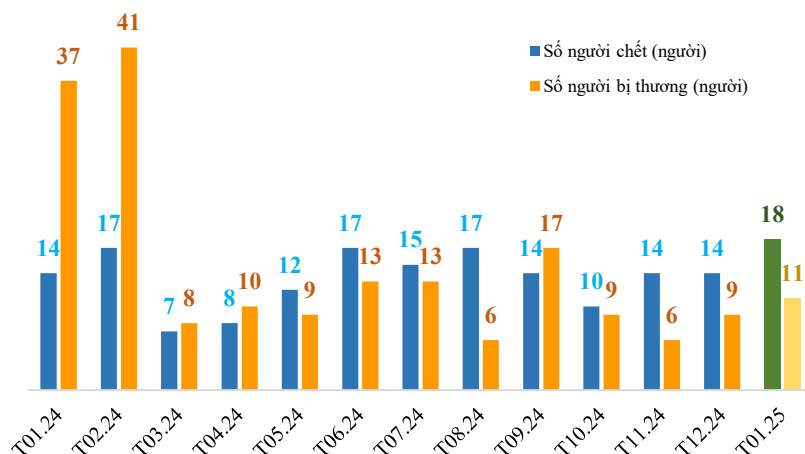


TAI NẠN GIAO THÔNG, PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

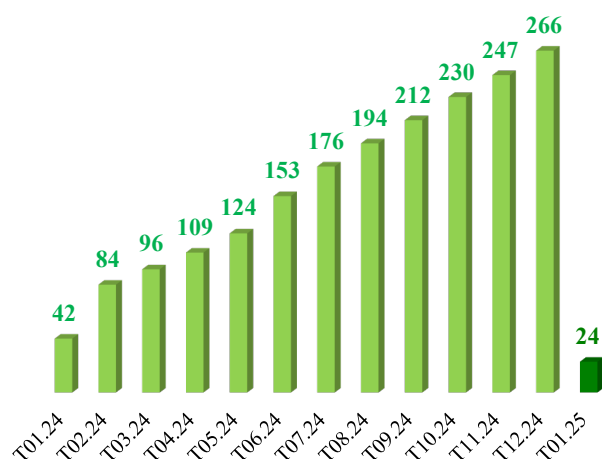
Số vụ tai nạn giao thông (theo tháng, vụ)



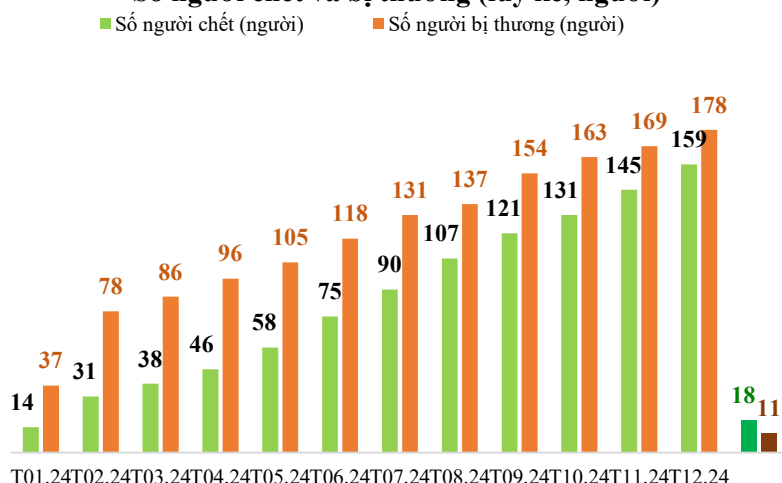
Số người chết và bị thương (theo tháng, người)



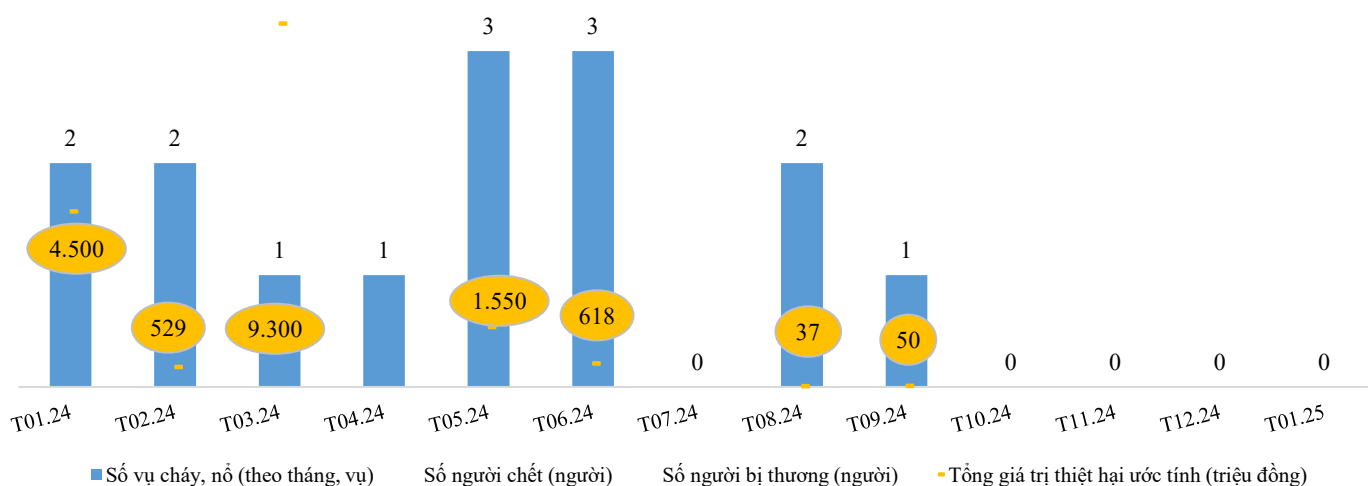
Số vụ tai nạn giao thông (lũy kế, vụ)



Số người chết và bị thương (lũy kế, người)



Số vụ cháy, nổ (theo tháng, vụ, thiệt hại)

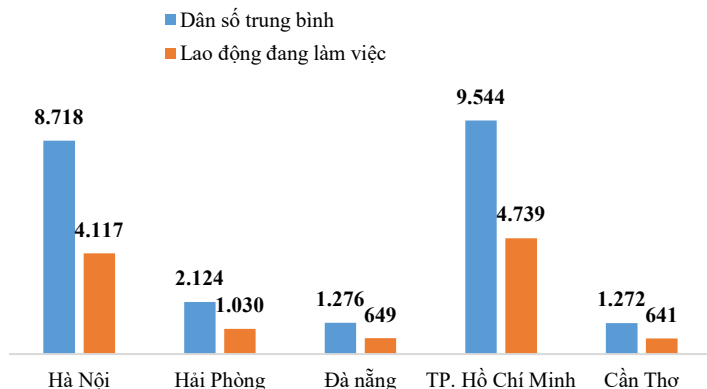


Nguồn: Ban An toàn giao thông thành phố Cần Thơ

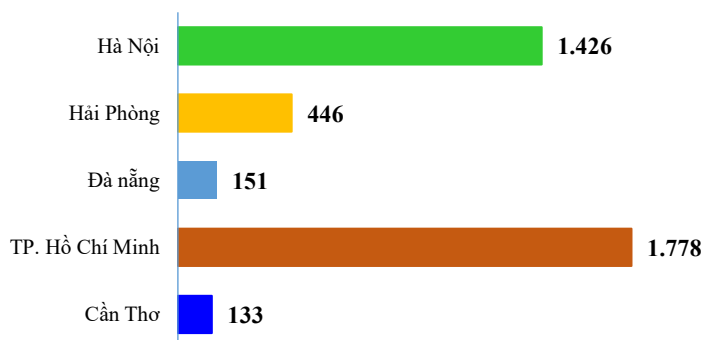


SỐ LIỆU KINH TẾ CHỦ YẾU 5 TP TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ƯỚC NĂM 2024

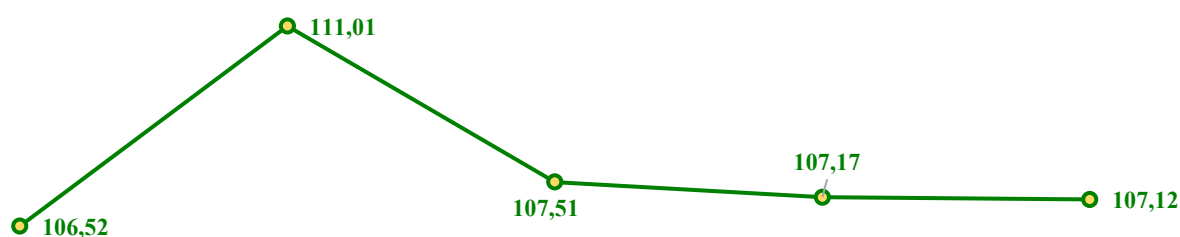
**Dân số trung bình và lao động đang làm việc
(nghìn người)**



**Quy mô GRDP theo giá hiện hành
(nghìn tỷ đồng)**

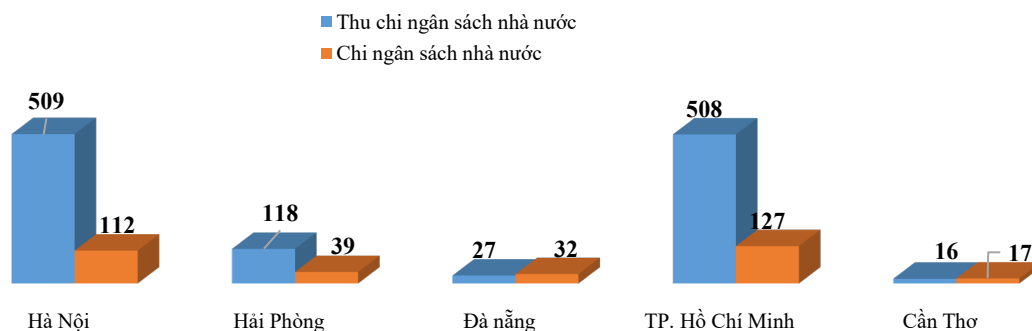


Tốc độ phát triển GRDP (%)

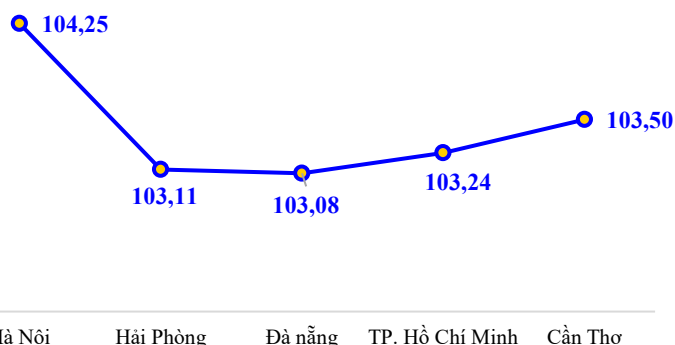


Hà Nội Hải Phòng Đà Nẵng TP. Hồ Chí Minh Cần Thơ

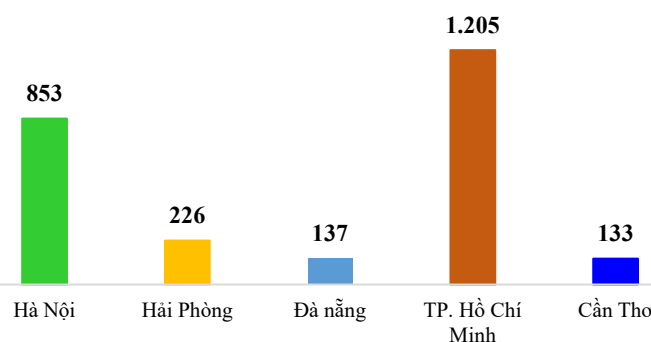
Thu - Chi ngân sách nhà nước (nghìn tỷ đồng)



Chỉ số giá tiêu dùng (%)



**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu
dịch vụ tiêu dùng (nghìn tỷ đồng)**



Nguồn: Cục Thống kê 5 thành phố lớn

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

6 - 5 - 1946

CỤC THỐNG KÊ TP CẦN THƠ



<https://cucthongkecantho.gso.gov.vn>